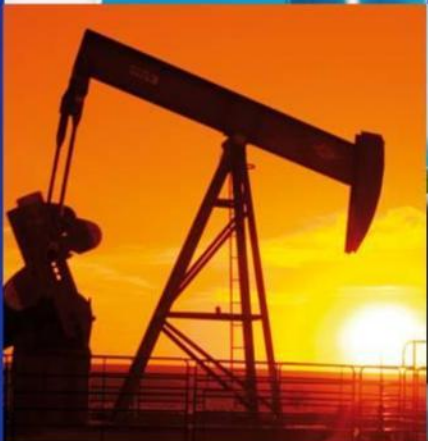




**PETROLIMEX**



# TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

# 2018

# MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	3
I. THÔNG TIN CHUNG .....	6
1. Thông tin khái quát .....	6
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	6
3. Quá trình hình thành và phát triển .....	7
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	7
5. Định hướng phát triển .....	9
6. Các rủi ro.....	9
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018.....	11
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	11
2. Tổ chức và nhân sự .....	11
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	13
4. Tình hình tài chính.....	13
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	15
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty.....	16
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .....	19
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	19
2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	23
3. Kế hoạch phát triển .....	24
4. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.....	26
5. Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty.....	26
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY.....	28
1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Tổng công ty .....	28
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc .....	28
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	29
V. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY .....	30
1. Hội đồng quản trị .....	30
2. Ban kiểm soát.....	31
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát.....	33
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (đính kèm) .....	34

# THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị Cổ đông và các Nhà đầu tư,

Năm 2018 đánh dấu chặng đường 15 năm Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, là năm kết thúc nhiệm kỳ 2014-2018. Nhờ đầu tư đúng hướng, PLC đã tìm kiếm và tận dụng triệt để các lợi thế từng ngành hàng để hoàn thành được hầu hết các mục tiêu mà ĐHĐCĐ giao cho HĐQT nhiệm kỳ vừa qua.

*Về kết quả kinh doanh:* PLC vẫn giữ thị phần dầu nhờn trong nước dựa trên sức mạnh của liên kết nội bộ tập đoàn Petrolimex, theo hướng hợp tác chặt chẽ, sâu rộng với tất cả các thành viên Petrolimex, đảm bảo các bên cùng có lợi. Gia tăng mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận từ ngành hàng nhựa đường, hóa chất để đảm bảo tổng lợi nhuận của toàn PLC tiếp tục tăng trưởng hơn 10% trong cả nhiệm kỳ so với giai đoạn trước. Trong đó, nhóm ngành hàng nhựa đường và hóa chất đã có sự gia tăng đáng kể về sản lượng, đặc biệt, tăng rõ rệt về tỷ lệ đóng góp lợi nhuận vào kết quả lợi nhuận chung của PLC và so với giai đoạn trước.

*Về lợi ích cổ đông và nhà đầu tư:* Cổ tức bằng tiền của cổ đông hàng năm đều cao hơn mục tiêu 12% đã đề ra, bình quân trả cổ tức giai đoạn 2014-2018 là 23%, Tổng công ty vẫn có tích lũy, tái đầu tư qua việc Vốn chủ sở hữu đã có sự gia tăng qua từng năm. Cụ thể VCSH năm 2014 đạt mức bình quân là 1,116 tỷ đồng thì đến cuối năm 2018 đã đạt mức 1,336 tỷ đồng. Tổng mức thực tế chi trả cổ tức từ 2015 (chi cổ tức cho năm 2014) đến nay (chưa bao gồm chi trả cổ tức năm 2018) đạt 775 tỷ đồng.

*Về quản trị Công ty:* Tổng công ty luôn hoàn thiện hệ thống quản trị, đáp ứng mục tiêu minh bạch thông tin, hội nhập các tiêu chuẩn quốc tế. Trong nhiệm kỳ vừa qua, HĐQT đã tích cực chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện, cập nhật hệ thống các văn bản quy định, quy chế quản lý nội bộ; cập nhật điều lệ Công ty mẹ, Công ty con theo hướng minh bạch thông tin, phân cấp, phân công nhiệm vụ rõ ràng để phát huy tính chủ động, sáng tạo của từng cá nhân cũng như tạo khung quy định trong việc hợp tác giữa các bộ phận, cá nhân trong tổ chức. HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo để triển khai các dự án tái cấu trúc Tổng công ty theo đúng định hướng và rút vốn thành công, có hiệu quả khởi công ty liên kết 810. PLC đã áp dụng thành công việc xây dựng hệ thống bản mô tả công việc, bảng lương chức danh công việc có tính thị trường, bước đầu trong dự án triển khai hệ thống KPI đánh giá hiệu quả công việc. Hệ thống quản lý nguồn lực ERP đã được khởi động triển khai từ giữa nhiệm kỳ 2014-2018.

*Về phát triển bền vững:* Xây dựng Tổng công ty PLC thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.

Tổng kết riêng năm 2018, Tổng công ty PLC không hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận ĐHĐCĐ giao. Tổng sản lượng đạt 389.405 tấn, đạt 108,38% so với kế hoạch; Tổng Doanh thu đạt: 6.475,123 tỷ đồng đạt 117,07% so với Kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế 194,019 tỷ đồng đạt 81,93% kế hoạch đề ra. Các nguyên nhân chính dẫn đến không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, do sản lượng dầu nhờn sụt giảm, trong khi các loại chi phí đầu vào tăng. Thêm vào đó, Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP (Công ty liên kết của TCT PLC) gặp khó khăn, lỗ lớn,

khiến PLC phải trích dự phòng tài chính gần 20 tỷ đồng. Hiệu quả kinh doanh ngành hàng Nhựa đường và Hóa chất bị sụt giảm, khi giá đầu vào trên thị trường giảm sâu đột ngột vào đầu quý 4, tuy gần đạt mức hoàn thành kế hoạch nhưng tỷ trọng đóng góp vào kết quả chung của toàn PLC vẫn chưa cao.

Song hành cùng nhiệm vụ chỉ đạo tổ chức sản xuất kinh doanh, để chuẩn bị cho các hoạt động cải tổ, phát triển sản xuất, kinh doanh trong giai đoạn tiếp theo 2019-2024, năm 2018, HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo, tiến hành công tác tái cấu trúc tổ chức, bổ sung nhân sự mới cho bộ máy quản lý đồng thời tiếp tục triển khai công tác điều hành tài chính tập trung. Những kết quả đã đạt được trong năm 2018 là:

*Công tác điều hành tài chính tập trung:* PLC đã hình thành một số nguồn lực tập trung để thực hiện nhiệm vụ đầu tư phát triển cũng như an sinh xã hội. Nguồn quỹ đầu tư phát triển tập trung đã giúp Công ty mẹ điều tiết, hỗ trợ vốn cho các Công ty con. Tuy nhiên, do nguồn lực tập trung còn ít và gặp rào cản về chính sách (Nghị định 20/2017/NĐ-CP) nên chủ trương hỗ trợ vốn của PLC còn bị hạn chế. Cơ cấu vốn của PLC đang bị mất cân đối, nguồn vốn Chủ sở hữu đảm bảo tài trợ cho tài sản dài hạn và một phần nhỏ tài sản ngắn hạn, rủi ro là tương đối lớn do phần lớn nguồn vốn ngắn hạn phải đi vay từ các tổ chức tín dụng. Nguồn vốn Chủ sở hữu các năm gần đây tăng chậm do chia cổ tức cao, tối thiểu 80% LNST, trong khi lợi nhuận không tăng. Trước những yêu cầu trên đây, việc tiếp tục rà soát, cân đối lại nguồn lực đảm bảo hiệu quả kinh doanh là cần thiết. PLC đang tiếp tục nghiên cứu và đề xuất phương án phát hành cổ phần đảm bảo cân đối nhu cầu vốn kinh doanh, đầu tư phát triển đồng thời tìm kiếm các đối tác chiến lược để thúc đẩy đổi mới quản trị, tái cấu trúc thành công.

*Công tác tái cấu trúc tổ chức và bổ sung nhân sự:* ĐHĐCĐ thường niên 2018 đã kiện toàn và bổ sung nhân sự cho HĐQT và BKS để thực hiện nhiệm vụ. Sau ĐHĐCĐ, HĐQT tiếp tục tiến hành tái cấu trúc tổ chức tại công ty con, chuyển đổi mô hình tổ chức công ty con thành HĐTV, Giám đốc và các kiểm soát viên để tăng cường sự quản lý, giám sát hoạt động của công ty con theo đúng mục tiêu, mong muốn của công ty mẹ. Tại Công ty mẹ, HĐQT đang tiếp tục triển khai phương án tái cấu trúc, nhằm tách bạch hoạt động quản lý, điều hành kinh doanh ngành hàng DMN ra khỏi các hoạt động quản lý điều hành chung của Công ty mẹ.

Theo các dự báo về triển vọng kinh tế Việt Nam và những biến động trong các lĩnh vực chuyên doanh của PLC, đồng thời đánh giá vị thế của PLC trên thị trường, HĐQT đã thống nhất phương hướng mục tiêu chiến lược cho PLC trong giai đoạn tiếp theo:

- Tiếp tục phát triển ổn định thị trường dầu nhờn trong nước thông qua sức mạnh của liên kết nội bộ tập đoàn Petrolimex, đồng thời phát triển thêm các kênh bán hàng mới phù hợp xu thế phát triển của thị trường, để giữ vững hiệu quả kinh doanh. Phân đấu nâng hiệu quả sử dụng vốn của ngành hàng nhựa đường, hóa chất lên ngang mức trả cổ tức. Tích cực đầu tư, phát triển mạnh sang thị trường các nước lân cận để đảm bảo tổng lợi nhuận của toàn PLC tiếp tục tăng trưởng trong nhiệm kỳ tới.
- Cổ tức bằng tiền của cổ đông hàng năm không thấp hơn 12%, Tổng công ty vẫn có tích lũy, tái đầu tư để tăng vốn chủ sở hữu của PLC lên trên 1.600 tỷ đồng, trong đó, vốn đầu tư của chủ sở hữu trên 1.000 tỷ đồng.

- Tích cực triển khai các hệ thống quản trị tiên tiến vào doanh nghiệp, đáp ứng mục tiêu minh bạch thông tin, hội nhập các tiêu chuẩn quốc tế.
- Xây dựng Tổng công ty PLC thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.

Năm 2019, là năm bản lề của nhiệm kỳ HĐQT mới, kỷ niệm 25 năm thành lập Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex, với dự báo kinh tế Việt Nam phát triển ổn định, việc phát triển kinh doanh sang thị trường Lào và Campuchia đã có nhiều khởi sắc, nhưng quy mô còn nhỏ. Nên dự báo năm 2019 chưa có biến động đột biến về sản lượng cũng như lợi nhuận đối với cả ba ngành hàng. HĐQT nhận định, mục tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2019 phải có tăng trưởng so với 2018 nhưng không có nhiều đột biến. Đây là nhiệm vụ khó khăn và chỉ có thể thực hiện được khi thực hiện tốt các giải pháp:

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, với chỉ tiêu giảm tuổi nợ của nhóm khách hàng lớn, xử lý nợ khó đòi và tăng vòng quay hàng tồn kho.
- Tiết kiệm chi phí, gồm cả chi phí tài chính và chi phí kinh doanh trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con.
- Giữ vững thị phần của các đối tác trong Petrolimex và phát triển bền vững khách hàng bên ngoài.

Kính thưa Quý vị Cổ đông và các Nhà đầu tư,

Những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua đã minh chứng cho tinh thần làm việc nghiêm túc và cầu thị của HĐQT. Để có được những thành quả này, HĐQT xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác bền chặt của các khách hàng, các đối tác và đặc biệt là toàn thể CBCNV đã nỗ lực góp sức tạo dựng PLC phát triển như ngày hôm nay. Thay mặt Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014-2018, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông và nhà đầu tư đã tin nhiệm và ủng hộ HĐQT hoàn thành nhiệm vụ trong nhiệm kỳ vừa qua.

Với mục tiêu chiến lược của nhiệm kỳ 2019-2023 là rất nặng nề, đòi hỏi ĐHĐCĐ hôm nay cần sáng suốt cân nhắc, lựa chọn một bộ máy quản lý, giám sát điều hành đủ tài, đủ đức để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Một lần nữa, xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông và nhà đầu tư đã tin nhiệm và ủng hộ./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



CHỦ TỊCH  
*Phạm Bá Nhuận*

# I. THÔNG TIN CHUNG

## 1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	<b>TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX</b>
Tên viết tắt	PLC
Giấy CNĐKDN số	0101463614
Vốn điều lệ	807.988.390.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	807.988.390.000 đồng
Địa chỉ:	Tầng 18 & 19 toà nhà 229 phố Tây Sơn, p. Ngã Tư Sở, q. Đống Đa, thành phố Hà Nội.
Điện thoại:	(024) 38513205
Fax:	(024) 38513207
Website	<a href="http://www.plc.petrokimex.com.vn">http://www.plc.petrokimex.com.vn</a>
Mã chứng khoán	PLC
Sàn niêm yết cổ phiếu tại	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Ngày bắt đầu niêm yết	27/12/2006
Số lượng CP niêm yết	80.798.839 cổ phần

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### *Ngành nghề kinh doanh:*

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường, Hóa chất và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực sản phẩm dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành Hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật Hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

### *Địa bàn kinh doanh:*

- Các tỉnh, thành phố trên toàn quốc;
- Các nước trong khu vực như Hong Kong, Đài Loan, Trung quốc, Lào, Campuchia...

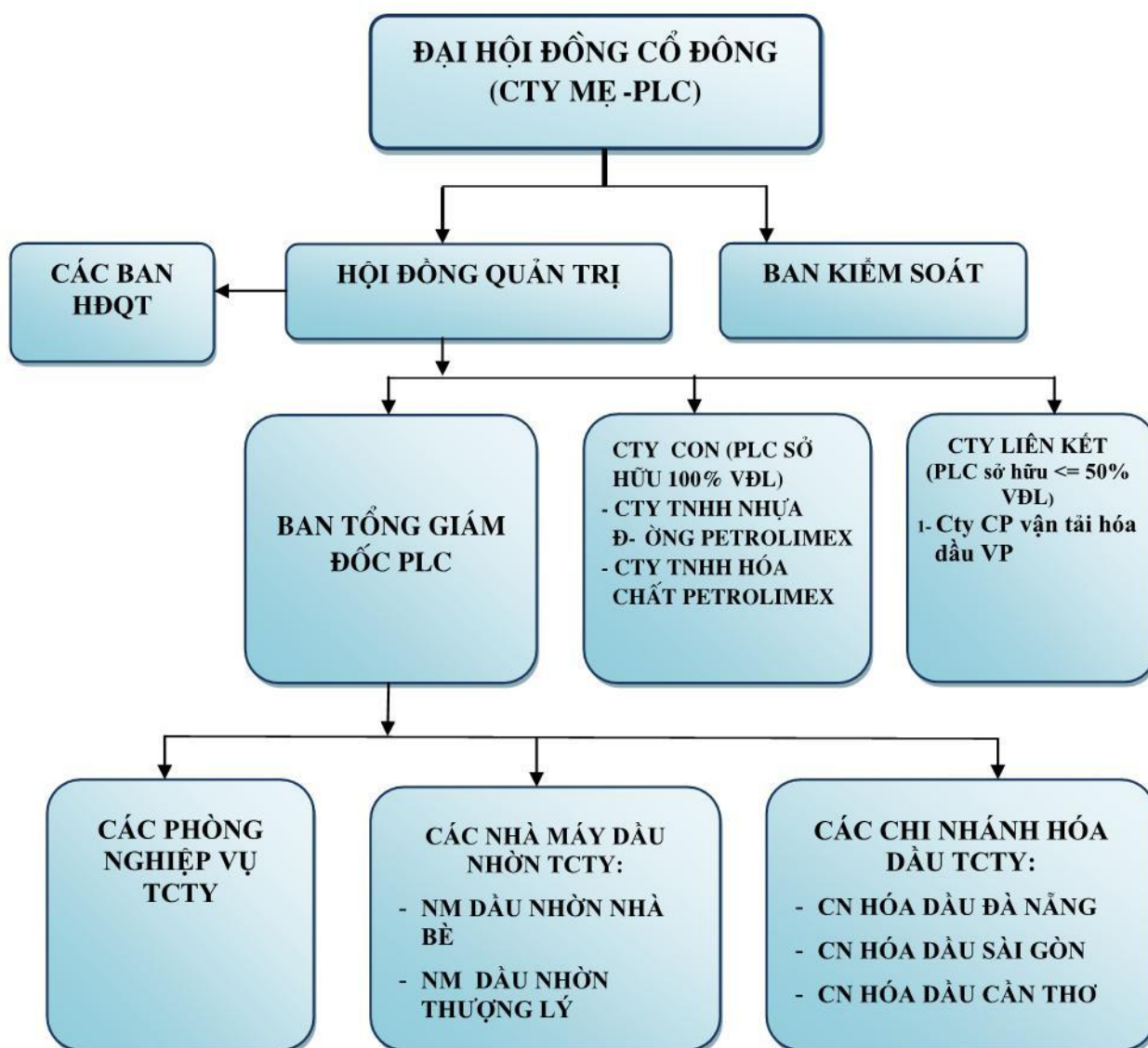
### 3. Quá trình hình thành và phát triển

Tháng 12/2017	• Thoái vốn khỏi Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810
Tháng 1/2014	• Giải thể và rút vốn khỏi công ty TNHH Đầu tư thương mại PLG
Tháng 04/2013	• Đổi tên thành Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex - CTCP
Tháng 4/2010	• Góp vốn thành lập công ty TNHH Đầu tư thương mại PLG
Tháng 3/2008	• Góp vốn thành lập Công ty CP vận tải hóa dầu VP
Tháng 2/2007	• Góp vốn thành lập Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810
Tháng 12/2006	• Niêm yết cổ phiếu PLC trên HNX
Tháng 03/2006	• Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.
Tháng 12/2005	• Thành lập Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex và Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex
Tháng 03/2004	• Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối
Tháng 10/1998	• Đổi tên thành Công ty Hóa Dầu trực thuộc Petrolimex
Tháng 06/1994	• Thành lập Công ty Dầu nhờn trực thuộc Petrolimex

### 4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### Mô hình quản trị





**Các công ty con, công ty liên kết :**

**4.3.1. Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex**

- Địa chỉ: Tầng 19 toà nhà 229 phố Tây Sơn, p. Ngã Tư Sở, q. Đống Đa, TP Hà Nội.
- Vốn điều lệ: 330 tỷ VNĐ;
- Tỷ lệ góp vốn của PLC : 100% Vốn điều lệ;
- Ngành, nghề kinh doanh chính : Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu Nhựa đường và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực Nhựa đường; Kinh doanh các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực Nhựa đường: vận tải thuê, cho thuê kho bãi, pha chế thuê, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật.

**4.3.2. Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex**

- Địa chỉ: Tầng 19 toà nhà 229 phố Tây Sơn, p. Ngã Tư Sở, q. Đống Đa, TP Hà Nội.
- Vốn điều lệ: 180 tỷ VNĐ;
- Tỷ lệ góp vốn của PLC : 100% Vốn điều lệ;
- Ngành, nghề kinh doanh chính: sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực dung môi,



hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp. Kinh doanh các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp : vận tải thuê, cho thuê kho bãi, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật.

#### 4.3.3. Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP

- Địa chỉ: phòng 703 tầng 7, tòa nhà Central Tower, 43 Quang Trung, q Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Vốn điều lệ: 150,76 tỷ VNĐ;
- Tỷ lệ góp vốn của PLC : 43,78% Vốn điều lệ;
- Ngành, nghề kinh doanh chính: Vận tải các sản phẩm hóa dầu; mua bán tàu; đầu tư tài chính;
- Công ty đã hoàn thành việc đầu tư, đóng mới 02 tàu biển chuyên dụng vận tải nhựa đường nóng, trọng tải mỗi tàu là 3.000 DWT và đã đưa vào khai thác;

### 5. Định hướng phát triển

Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Petrolimex. Là doanh nghiệp nội địa đầu tiên tại Việt Nam kinh doanh chuyên ngành các sản phẩm hóa dầu bao gồm: dầu nhờn, nhựa đường, hóa chất.

Sau khi tái cấu trúc, hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con, Tổng công ty đã phát triển mạnh trên cả 3 ngành hàng chủ chốt, với các lĩnh vực chuyên sâu để trở thành những người tiên phong về công nghệ, hạ tầng cũng như nghiên cứu phát triển sản phẩm mới ra thị trường. Ngoài kinh doanh chính, việc tham gia liên doanh, liên kết của Tổng công ty vào các doanh nghiệp khác, đều thuộc ngành nghề phụ trợ, trong chuỗi cung ứng của Tổng công ty. Chính vì vậy, khi gặp những biến động trên thị trường, Tổng công ty vẫn vững vàng vượt qua thử thách. Định hướng phát triển của Tổng công ty là tập trung củng cố vị thế của thị trường trong nước, phát triển quy mô ba ngành hàng ra tầm khu vực và quốc tế. Định hướng này được cụ thể hóa bằng các mục tiêu:

- Phát triển bền vững trên 3 ngành hàng chính là dầu mỡ nhờn, nhựa đường và hóa chất; Tiếp tục ổn định và phát triển thị trường dầu nhờn trong và ngoài nước dựa trên sức mạnh của liên kết nội bộ tập đoàn Petrolimex, theo hướng hợp tác chặt chẽ, sâu rộng với tất cả các thành viên Petrolimex.
- Tiếp tục mở rộng thị trường trong nước và đặc biệt là thị trường ngoài nước;
- Chú trọng công tác nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới, đa dạng hóa các nhóm sản phẩm, đặc biệt là nhóm sản phẩm có chất lượng cao và hiệu quả bền vững;
- Tiếp tục đầu tư hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật để duy trì lợi thế kinh doanh trên cả 3 ngành hàng chính;
- Không ngừng nâng cao giá trị doanh nghiệp nhằm mang lại giá trị tối đa cho các Cổ đông đầu tư vào Tổng công ty;
- Quan tâm phát triển lợi ích cộng đồng và xã hội.

### 6. Các rủi ro

Các sản phẩm, dịch vụ Tổng công ty kinh doanh đang phải cạnh tranh với các sản phẩm

cùng loại do các hãng nước ngoài sản xuất mang thương hiệu toàn cầu. Tuy nhiên, nhãn hiệu hàng hóa Petrolimex của Tổng công ty là thương hiệu mạnh quốc gia, có uy tín và được người tiêu dùng bình chọn trên thị trường Việt Nam. Hưởng ứng cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam hiện nay, Tổng công ty luôn xác định đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ để giữ thị phần và khẳng định vị thế của Petrolimex trên thị trường.

#### ***Rủi ro về kinh tế:***

PLC là một doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hóa dầu, nguồn nguyên liệu đầu vào phụ thuộc vào nhập khẩu, trong khi xuất khẩu chỉ chiếm tỷ trọng chưa cao trong cơ cấu bán hàng của PLC. Do vậy, kết quả kinh doanh phụ thuộc rất nhiều vào chính sách điều hành tỷ giá của Nhà nước cũng như những biến động về nguồn cung và giá dầu mỏ trên thế giới. Biến động về tỷ giá giữa nội tệ với ngoại tệ (mà chủ yếu là USD) sẽ tác động rất lớn đến chi phí đầu vào. Mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay năm 2018 ổn định.

Thị trường đầu ra chủ yếu của Tổng công ty là nội địa, với hầu hết khách hàng là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, vận tải và hạ tầng giao thông. Do vậy, các chính sách vĩ mô của nhà nước nhằm kiềm chế lạm phát hay kích thích tăng trưởng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty. Năm 2018, tăng trưởng kinh tế đạt ở mức cao.

#### ***Rủi ro đặc thù***

***Rủi ro về biến động giá dầu mỏ:*** Các sản phẩm kinh doanh của PLC đều là các chế phẩm từ dầu mỏ, là nguồn nguyên liệu đang dần cạn kiệt và bị điều tiết về giá cả và sản lượng bởi tổ chức OPEC. Các chế phẩm dầu mỏ mà PLC kinh doanh là dầu nhờn, nhựa đường, hóa chất... đều chưa sản xuất được trong nước, nhưng không phải là hàng hóa bảo hộ của nhà nước, do vậy, sự biến động khó lường về giá dầu mỏ trong năm và phụ thuộc nguồn cung ở nước ngoài đã ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản phẩm, nhưng đầu ra lại bị sức ép về mặt bằng giá bán trên thị trường của khách hàng, đối thủ cạnh tranh. Đầu quý 4/2018, do tác động của chiến tranh thương mại Mỹ Trung, giá dầu mỏ thế giới biến động mạnh, tác động rất lớn đến giá đầu vào, làm sụt giảm nghiêm trọng hiệu quả kinh doanh của cả 3 ngành hàng.

***Rủi ro về cạnh tranh, công nợ:*** Trừ ngành hàng dầu nhờn có thị trường, thị phần tương đối ổn định, các sản phẩm kinh doanh khác của PLC hầu hết đều là nguyên liệu đầu vào của các ngành công nghiệp khác, do vậy khách hàng chủ yếu là các hộ công nghiệp. Đối với các ngành hàng này, áp lực cạnh tranh trong tiêu thụ sản phẩm là rất lớn, đặc biệt trong những thời kỳ sản xuất kém phát triển, đầu tư hạ tầng giao thông ít. Việc cạnh tranh này có thể dẫn đến rủi ro về giá bán, làm doanh nghiệp không bù đắp được chi phí, thậm chí là thua lỗ. Do áp lực tiêu thụ sản phẩm, mà đối tượng khách hàng là những đơn vị thi công công trình giao thông, nguồn tiền mua hàng chủ yếu từ ngân sách nhà nước, các tổ chức tín dụng ... nên rủi ro về công nợ kéo dài, khó đòi, thậm chí có thể mất khả năng thanh toán nếu các công trình giao thông không được nghiệm thu.

#### ***Rủi ro khác***

Một số rủi ro khác mang tính chất bất khả kháng như hỏa hoạn, động đất, chiến tranh...

cũng có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của ngành hàng cũng như của Tổng công ty. Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra có thể làm chậm tiến độ kinh doanh hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc toàn bộ) đến Tổng công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty Hóa dầu năm 2018 về tổng sản lượng đạt 114,21% so với năm 2017 và 108,38% so với KH; Tổng doanh thu đạt 127,47% so với năm 2017 và đạt 116,37% so với KH; Lợi nhuận sau thuế đạt 89,26% so với 2017 và đạt 80,75% so với KH; Lợi nhuận chủ yếu vẫn do ngành hàng dầu nhờn mang lại.

Một trong những yếu tố ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến hiệu quả hoạt động SXKD của Tổng Công ty trong năm 2018 so với 2017 là biến động về giá vốn. Trong khi sản lượng tăng 14,21%, doanh thu tăng 27,47% so cùng kỳ do giá bán tăng, nhưng tốc độ tăng của giá bán chậm hơn tốc độ tăng của giá vốn (Giá vốn đạt 130,47% so cùng kỳ) dẫn đến tỷ lệ lãi gộp/doanh thu chỉ đạt 13,6% thấp hơn so với năm 2017 (15,6%).

#### *Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất năm 2018 của PLC:*

*Đơn vị tính: Tấn,m3/triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So thực hiện năm 2018 với	
					Năm 2017	KH 2018
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	340.970	359.280	389.405	114,21%	108,38%
2	Tổng doanh thu thuần	5.046.459	5.530.871	6.433.978	127,47%	116,37%
*	Giá vốn	4.263.628	4.672.570	5.562.568	130,47%	119,05%
*	Lãi gộp /Doanh thu	15,6%	15,5%	13,6%	87,27%	87,48%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	215.077	236.814	194.036	90,22%	81,94%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	171.401	189.452	152.990	89,26%	80,75%
*	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	3,39%	3,43%	2,38%	70,02%	69,39%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	12,87%	13,99%	11,47%	89,10%	81,94%
6	Tỷ suất LNST/VĐL	21,21%	23,45%	18,93%	89,26%	80,75%
7	Tỷ lệ cổ tức	20%	80% LNST	80% LNST		

### 2. Tổ chức và nhân sự

Năm 2018 không có sự thay đổi trong Ban điều hành.

**Danh sách Ban Điều hành hiện nay của Tổng công ty :**



**Ông Nguyễn Văn Đức**  
Tổng Giám đốc  
Ủy viên HĐQT Tổng công ty

Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Hóa dầu, Cử nhân TCKT, cử nhân chính trị.

Sinh năm 1960.

Có hơn 36 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý kỹ thuật xăng dầu, dầu mỡ nhờn, các sản phẩm hóa dầu khác và quản lý doanh nghiệp. Các đơn vị đã từng làm quản lý là Xí nghiệp sản xuất và tái sinh Dầu mỡ nhờn, Tổng kho xăng dầu Đức Giang (Công ty Xăng dầu Khu vực I) và Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP.

Vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng công ty: Không.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần PLC: 0,1879%

---



**Ông Lê Quang Tuấn**  
Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty

Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Hóa dầu, Cử nhân kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ.

Sinh năm 1974

Có hơn 23 năm kinh nghiệm làm việc tại Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP trong công tác quản lý kỹ thuật, kinh doanh dầu mỡ nhờn, các sản phẩm hóa dầu khác và quản lý doanh nghiệp. Đã trải qua và có kinh nghiệm trong các công tác: dịch vụ kỹ thuật, kinh doanh dầu mỡ nhờn, xuất nhập khẩu, sản xuất dầu mỡ nhờn, quản lý hệ thống chất lượng ISO 9001.

Vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng công ty: Không.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần PLC: 0,0084%

---



**Ông Ngô Đức Giang**  
Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty

Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Tài chính Kế toán.

Sinh năm 1965.

Có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán và quản lý doanh nghiệp; trong đó, có gần 28 năm làm việc trong ngành xăng dầu, dầu mỡ nhờn và các sản phẩm hóa dầu.

Vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng công ty: Không.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần PLC: 0,0625%

---



**Bà Phương Thảo Hiền**  
Kế toán trưởng Tổng công ty

Cử nhân Kế toán Thương mại, cử nhân Luật.

Sinh năm 1978

Có gần 19 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán và tại Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP.

Vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng công ty: Không.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần PLC: 0,0233%

### **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động :**

- Số lượng lao động có mặt đến ngày 31/12/2018 là 741 người. Tổng công ty chủ trương sử dụng lao động tiết kiệm, hiệu quả; phát triển nguồn nhân lực có tính kế thừa và đảm bảo cơ cấu lao động hợp lý, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp;
- Điều kiện làm việc ở PLC luôn được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần người lao động được nâng cao, góp phần xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động làm việc nhiệt huyết, ổn định, gắn bó lâu dài với Tổng công ty;
- Mục tiêu trả lương khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả. Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, an toàn vệ sinh lao động và các chế độ chính sách cho người lao động theo Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty.

### **3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án**

Năm 2018, các công ty trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư các công trình/hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính, tạo điều kiện quan trọng để các công ty nâng cao vị thế, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường; không đầu tư ra ngoài ngành hàng kinh doanh chính. Tổng giá trị đầu tư năm 2018 hoàn thành ở mức 285.893 triệu đồng, đạt 72,38% tổng kế hoạch dự toán đầu tư đã được duyệt trong năm; giá trị đầu tư hoàn thành các hạng mục sửa chữa lớn đạt 64,63% kế hoạch được duyệt.

*Đơn vị : triệu đồng*

TT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN 2018	TH/KH NĂM 2018 (%)
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>394.963</b>	<b>285.893</b>	<b>72,38%</b>
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	350.454	257.126	73,37%
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	44.509	28.767	64,63%
C	ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP	-	0	0,00%

Kết quả đầu tư này một phần là do các công ty còn gặp nhiều khó khăn trong SXKD nên khi triển khai một số dự án lớn chưa tập trung hết nguồn lực, đôi chỗ còn ưu tiên công tác kinh doanh và cũng xem xét giãn tiến độ dự án để phù hợp hơn với tình hình kinh doanh mới; phần lớn các hạng mục triển khai đầu tư trong năm 2018 thuộc các dự án đã được phê duyệt đầu tư trong năm 2017. Bên cạnh đó, cũng còn một vài dự án chưa triển khai đúng kế hoạch do gặp khó khăn trong việc hoàn thành các thủ tục đầu tư xây dựng với cơ quan quản lý địa phương...nên kết quả thực hiện đầu tư năm 2018 chưa đạt được như kế hoạch kỳ vọng.

### **4. Tình hình tài chính**

*(VCSH và VĐL để tính ROE và ROA là bình quân cuối 4 quý chia cho 4 quý; các chỉ tiêu TSNH, TSDH, TTS, VCSH, Tổng vay ngắn hạn và dài hạn tính tại thời điểm 31/12/2018)*

<b>Chỉ tiêu (đơn vị tính triệu đồng)</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>So sánh</b>
Doanh thu thuần	5.049.088	6.436.325	127,5%
Giá vốn hàng bán	4.263.628	5.562.568	130,5%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	785.460	873.757	111,2%
Chi phí bán hàng	446.045	489.929	109,8%
Chi phí quản lý	91.679	95.822	104,5%
Lợi nhuận khác	2.219	7.743	348,9%
EBIT	281.823	327.302	116,1%
Chi phí khấu hao	91.616	61.330	66,9%
<b>EBITDA</b>	373.439	388.632	104,1%
Chi phí tài chính ròng	60.269	111.220	184,5%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	215.077	194.036	90,2%
Thuế TNDN	43.676	41.046	94,0%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	171.401	152.990	89,3%
Tài sản ngắn hạn	2.983.179	3.795.725	127,2%
Tài sản dài hạn	897.559	1.058.518	117,9%
<b>Tổng tài sản</b>	3.880.738	4.854.244	125,1%
Tổng vay ngắn hạn và dài hạn	1.654.058	2.248.164	135,9%
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	1.343.695	1.324.727	98,6%
<b>Chỉ số tài chính</b>			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	15,56%	13,58%	87,3%
Tỷ suất EBITDA	6,78%	4,42%	65,1%
Tỷ suất EBIT	4,42%	3,15%	71,4%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	3,39%	2,38%	70,0%
Tăng trưởng doanh thu thuần	5,09%	27,47%	540,2%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	-16,32%	-10,74%	65,8%
Chỉ số thanh toán hiện thời (lần)	1,21	1,10	91,0%
Chỉ số khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,90	0,77	86,2%
Nợ vay trên tổng tài sản	40,70%	44,49%	109,3%
Nợ vay trên vốn chủ sở hữu	1,18	1,63	138,7%
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu (ROE)	12,76%	11,64%	91,2%
Thu nhập trên Tổng tài sản (ROA)	4,42%	3,15%	71,4%
EPS	2,121	1,766	83,2%

### **Khả năng sinh lời**

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Tổng công ty năm 2018 thấp hơn các năm trước đây chủ yếu do:

- Hoạt động kinh doanh năm 2018 của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là ngành hàng Hóa chất, giá dung môi - hóa chất biến động khó lường đã khiến công tác đánh giá nhận định thị trường và việc bán hàng gặp rất nhiều khó khăn. Doanh thu tăng (127,5%), lãi gộp tăng (lãi gộp 111,2% tăng 11,2% so cùng kỳ) do giá vốn tăng nhưng

tốc độ tăng của giá vốn cao hơn tốc độ tăng của doanh thu dẫn đến lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 152.990 triệu đồng bằng 89,3% so với cùng kỳ.

- Vốn chủ sở hữu giảm 1,4% so với cùng kỳ (98,6%), lợi nhuận sau thuế giảm 11,7% (89,3%) nên ROE giảm so với cùng kỳ.

<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,80%	4,26%	3,39%	2,38%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	26,60%	16,18%	12,76%	11,55%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,50%	6,23%	4,42%	3,15%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	6,10%	5,95%	6,38%	5,93%

### **Khả năng thanh toán**

Hệ số thanh toán hiện hành lớn hơn 1 và hệ số thanh toán nhanh lớn hơn 0,5 cho thấy Tổng công ty luôn duy trì được khả năng thanh toán ở mức an toàn.

<b>Khả năng thanh toán</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>
Khả năng thanh toán hiện thời	1,14	1,29	1,21	1,10
Khả năng thanh toán nhanh	0,83	0,92	0,90	0,77

## **5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

### **Cổ phần**

Tổng số cổ phiếu lưu hành: 80.798.839 cổ phiếu, 100% tự do chuyển nhượng.

Trong đó: - Cổ phiếu quỹ: 1.273 cổ phần

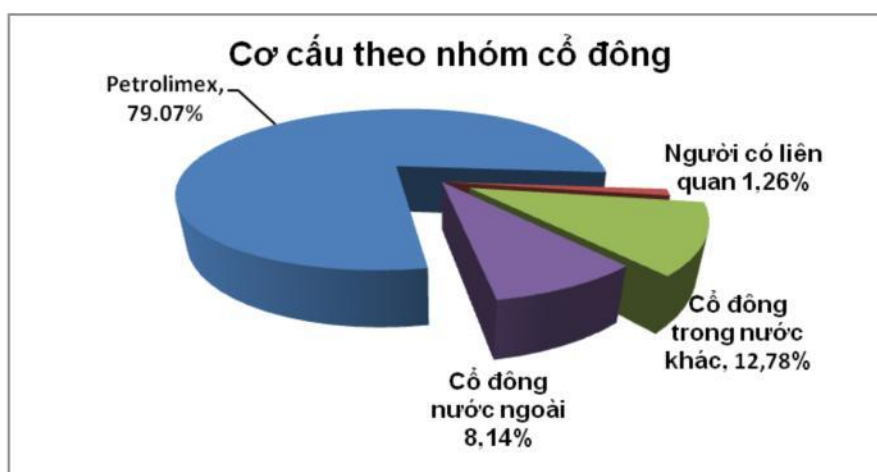
- Cổ phiếu của cổ đông hiện hữu: 80.797.566 cổ phần

Cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phần

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2018 là 16.395 đồng/cổ phần.

Lãi trên cổ phiếu năm 2018 là 1.766 đồng/cổ phần.

### **Cơ cấu cổ đông chốt ngày 11/3/2019**



STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp/ VDL	Tổng giá trị theo mệnh giá (VNĐ)
	Tổng số	<b>80.798.839</b>	<b>100,00%</b>	<b>807.988.390.000</b>
1	Cổ đông chi phối Petrolimex	<b>63.889.259</b>	<b>79,07%</b>	<b>638.892.590.000</b>
2	Các Cổ đông khác:	<b>16.909.580</b>	<b>20,93%</b>	<b>169.095.800.000</b>
2.1	Cổ đông khác trong nước:	<b>12.833.043</b>	<b>15,88%</b>	<b>128.330.430.000</b>
A	Tổ chức	1.618.952	2,00%	16.189.520.000
B	HDQT, BKS, Ban TGD, KTT PLC và người có liên quan	1.051.393	1,30%	10.513.930.000
C	Cá nhân khác	10.162.698	12,58%	101.626.980.000
2.2	Cổ đông nước ngoài:	<b>4.076.537</b>	<b>5,05%</b>	<b>40.765.370.000</b>
A	Tổ chức	3.999.585	4,95%	39.995.850.000
B	Cá nhân	76.952	0,10%	769.520.000

#### **Danh sách cổ đông lớn**

STT	Cổ đông	Số cổ phần	% vốn góp	Đối tượng sở hữu
1	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam - Số 1 Khâm Thiên - Đống Đa - Hà Nội	63.889.259	79,07%	Tổ chức trong nước

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2018** : không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

**Giao dịch cổ phiếu quỹ và các chứng khoán khác** : Không có

#### **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty**

##### **Quản lý nguồn nguyên vật liệu, năng lượng**

- Nguyên vật liệu chính để sản xuất và pha chế dầu mỡ nhờn của Tổng công ty PLC là dầu gốc và phụ gia, đều phải nhập khẩu từ nước ngoài đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và theo tiêu chuẩn chất lượng do PLC công bố. PLC không sử dụng nguyên liệu tái chế để sản xuất sản phẩm.
- Các sản phẩm bao bì, đóng gói thành phẩm dầu mỡ nhờn của PLC được sản xuất trong nước và là bao bì mới. Các nhà cung cấp bao bì cho PLC đều đáp ứng các yêu cầu về quản lý môi trường.
- PLC có quy trình xử lý sản phẩm mất phẩm chất. Các sản phẩm này được PLC ký hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ xử lý chất thải nguy hại được Nhà nước cấp phép thực hiện.
- Là đơn vị kinh doanh các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, là các sản phẩm năng lượng không tái tạo, Tổng công ty luôn ý thức sử dụng tiết kiệm nhất nguyên liệu cũng như năng lượng điện và nhiên liệu hóa thạch. Việc tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh vừa nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời thể hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội. Việc cải tạo và nâng cấp hệ thống sản xuất hiện nay tại các nhà máy, đưa công nghệ mới vào sản xuất và bảo quản hàng hóa, chính là phương pháp mà PLC áp dụng để tiết kiệm nguồn năng lượng hiện đang sử dụng.
- Để tiết kiệm chi phí và bảo vệ nguồn tài nguyên, được sự thống nhất của khách hàng,



các sản phẩm khác ngoài dầu mỡ nhờn của PLC sẽ được bao gói trong bao bì thép tái chế. Toàn bộ bao bì thép tái chế mà PLC sử dụng đều do các nhà cung cấp chuyên nghiệp, đáp ứng được các yêu cầu về bảo vệ môi trường và xử lý sản phẩm tái chế.

#### ***Tiêu thụ nước***

- Quá trình sản xuất, bảo quản hàng hóa tại các kho, nhà máy của Tổng công ty không sử dụng nước và không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất.
- Khối lượng nước tiêu thụ không đáng kể, chỉ phục vụ cho sinh hoạt của khu nhà văn phòng.

#### ***Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường***

- Tổng công ty nhận thức được trách nhiệm của mình trong công tác bảo vệ môi trường. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh, Tổng công ty đã phân công và bố trí cán bộ cập nhật và tuân thủ các qui định của pháp luật bảo vệ môi trường.
- Tổng công ty đã thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường; thực hiện quan trắc, báo cáo quan trắc môi trường, báo cáo quản lý CTNH định kỳ tại NMDN Thượng Lý, NMDN Nhà Bè, Kho Dầu nhờn Đức Giang.
- Thông qua việc giám sát môi trường, Tổng công ty có thể nhận định: chất lượng môi trường không khí, các thông số vi khí hậu và nước thải tại các khu vực Thượng Lý, Nhà Bè, Đức Giang và các khu vực khác có kho, nhà máy của PLC đều đạt tiêu chuẩn cho phép. Sự quan tâm và ý thức bảo vệ môi trường đã được phổ biến, quán triệt tới toàn thể cán bộ, người lao động của Tổng công ty để thực hiện nghiêm các qui định của Pháp luật.
- Bên cạnh việc đầu tư, phát triển hệ thống và công nghệ xử lý, Tổng công ty tiếp tục tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, xem công tác bảo vệ môi trường là mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp.
- Thông qua các Chương trình làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, Tổng công ty PLC đã có cơ hội được cập nhật, bổ xung các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường để trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu, thực hiện nghiêm các qui trình trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

#### ***Chính sách đối với người lao động***

- Lao động có mặt đến ngày 31/12/2018 của toàn Tổng công ty là 741 người với thu nhập bình quân năm 2018 là 14,36 triệu đồng/người/tháng.
- Tổng công ty là đơn vị vừa có sản xuất, vừa kinh doanh sản phẩm có đặc tính chuyên môn kỹ thuật cao, yêu cầu về trình độ chuyên môn cũng như các kỹ năng, kỹ thuật chuyên ngành sâu. Do vậy, ngoài những yêu cầu ban đầu về trình độ đối với người lao động, việc đào tạo, tập huấn chuyên môn hàng năm rất được Tổng công ty chú trọng thực hiện. Năm 2018, Tổng công ty đã tổ chức nhiều khóa huấn luyện về sản phẩm, nguyên vật liệu cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và đại diện bán hàng. Với ý thức của một doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm liên quan đến cháy nổ, các quy trình, quy phạm về an toàn và sản xuất rất được chú trọng trong phổ biến và giám sát thực hiện hàng ngày. Khi các dự án đầu tư, dây chuyền sản xuất mới được trình duyệt cũng là lúc các quy trình an toàn được thiết lập và được hướng dẫn, tập huấn thực hành cho người lao

động. Trong năm 2018, 100% người lao động được hướng dẫn và có chứng chỉ về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.

- Việc Tổng công ty đảm bảo an toàn tuyệt đối, không xảy ra tai nạn lao động trong năm 2018 chính là thành quả ghi nhận trách nhiệm của Tổng công ty đối với người lao động và tài sản của công đồng.
- Điều kiện làm việc ở PLC luôn được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần người lao động được nâng cao góp phần xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động làm việc nhiệt huyết, ổn định, gắn bó lâu dài với Tổng công ty;
- Năm 2018, Tổng công ty đã mua bảo hiểm thân thể cho 100% cán bộ, người lao động của PLC.

### ***Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương***

Trong năm 2018, Công đoàn Tổng công ty PLC phối hợp với Chính quyền thực hiện chi 576,5 triệu đồng cho một số nội dung công tác từ thiện xã hội như sau:

- Nhân dịp Tết Nguyên Đán 2018, CĐ TTC đã chi từ Quỹ Công đoàn số tiền 20 triệu đồng để mừng thọ cha mẹ CB-NLĐ và thăm hỏi một số gia đình NLD khó khăn.
- Ghi nhận những đóng góp và kịp thời động viên một số cầu thủ Đội tuyển U23 Việt Nam còn nhiều khó khăn, tháng 1/2018, TCT PLC đã thăm hỏi, tặng quà và giúp đỡ gia đình cầu thủ Phạm Xuân Mạnh, cầu thủ Phan Văn Đức, cầu thủ Đoàn Văn Hậu. Tổng số tiền: 120 triệu đồng.
- Để động viên, khuyến khích tinh thần thể dục, thể thao, nâng cao sức khỏe của CB-NLĐ trong ngành, ngày 13/04/2018, TCT PLC đã tài trợ số tiền 30 triệu đồng tại Hội thao CNVC-LĐ Cụm Tây Bắc Bộ
- Với tinh thần tương thân tương ái, mong muốn các em học sinh vùng cao bớt đi phần nào những khó khăn trong cuộc sống để vươn lên trong học tập, đặc biệt là sau khi các em và gia đình còn đang khắc phục những thiệt hại nặng nề do ảnh hưởng của cơn bão số 3 xảy ra tháng 7/2018. Ngày 09/08/2018, Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC) đã phối hợp với Công ty Xăng dầu Lai Châu trao quà đến các em học sinh của Trường Mầm non Sơn Bình, Huyện Tam Đường, Tỉnh Lai Châu. số tiền 30 triệu đồng để động viên các em học sinh mầm non Sơn Bình.
- Cũng trong những ngày học sinh cả nước chuẩn bị đón năm học mới, ngày 24/08/2018, Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex (PLC) đã phối hợp với Công ty xăng dầu Tuyên Quang tổ chức tặng quà Học sinh Trường PTDT Bán trú THCS Sinh Long thuộc xã Sinh Long, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang trao 80 suất quà cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, mỗi suất quà trị giá 500.000 đồng. Đây là những phần quà đầy ý nghĩa, thiết thực, không chỉ động viên các em về tinh thần mà còn tiếp thêm cho các em niềm tin và nghị lực tiếp tục vượt khó vươn lên trong học tập.
- Ngày 13/09/2018, Đoàn công tác của TCT PLC đã đến ủng hộ điểm trường cụm Kèn thuộc Trường Tiểu học Châu Lộc, xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An. Trường Tiểu học xã Châu Lộc có 3 điểm trường trải rộng theo địa bàn dân cư; là một xã nghèo và hơn thế nữa học sinh có 70% thuộc hộ nghèo và cận nghèo; đặc biệt là điểm trường Tiểu học Châu Lộc - Cụm Kèn thì số học sinh chiếm tỉ lệ trong hộ nghèo là cao nhất và cơ sở vật

- chất tại Trường còn thô sơ. Sau trận mưa lũ cuối tháng 8/2018, sân trường bị hỏng và xuống cấp nặng nề. Mong muốn ủng hộ học sinh có chỗ tập thể dục, thể thao, vui chơi an toàn sau những giờ học, Tổng công ty PLC đã ủng hộ Nhà trường 50 triệu đồng để làm lại sân trường mới cho học sinh.
- Trường Mầm non Trung Lý thuộc xã Trung Lý, huyện vùng cao Mường Lát cách trung tâm thành phố Thanh Hóa khoảng 250km về phía Tây. Trường có một trường chính và 16 điểm trường lẻ. Đến thời điểm hiện tại chỉ mới có 5 bản gần trung tâm xã là đã xây được nhà ở giáo viên và phòng học kiên cố, 11 điểm còn lại vẫn đang thiếu lớp học Mầm non và nhà ở công vụ cho giáo viên. Nhiều nơi, các cháu đang phải học nhờ ở nhà văn hóa thôn, nhờ nhà dân, nhờ các trường Tiểu học... Không chỉ học sinh phải học tập trong môi trường thiếu thốn mà các giáo viên cũng đang phải sinh hoạt trong cảnh khó khăn, cực khổ; phải ở trong những căn nhà tạm bợ. Tổng công ty PLC đã ủng hộ Nhà trường số tiền 50 triệu đồng với mong muốn góp phần nhỏ cùng các Doanh nghiệp, các tổ chức thiện nguyện dựng lại ngôi trường tại những điểm trường bị ảnh hưởng nhiều bởi đợt lũ tháng 8/2018 để các em học sinh được tiếp tục cắp sách đến trường, các thầy cô yên tâm công tác.
  - Ngày 09.10.2018 Tổng Công ty hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC) đã phối hợp với Công ty Xăng dầu Lào Cai (Petrolimex Lào Cai) tổ chức bàn giao gói tài trợ cho học sinh bán trú Trường PTDTBT THCS Thanh Phú huyện Sa Pa. Các nội dung tài trợ gồm: hệ thống cung cấp nước sạch với 02 bồn INOX tổng dung tích là 6.000l, làm mới 30m<sup>2</sup> mặt bằng khu bể và sân phơi; 105 chiếc màn tuyền và ga giường (loại đôi), 105 khăn mặt và cốc nhựa, nước giặt JANA cho 105 cháu ở bán trú tại trường. Nguồn kinh phí tài trợ do PLC đóng góp 30 triệu đồng, ngoài ra là nguồn do Petrolimex Lào Cai đóng góp.
  - Ngoài ra, TCT PLC còn hỗ trợ quỹ hoạt động năm 2017, 2018 đối với Ban Liên lạc hưu trí TCT PLC số tiền 131,2 triệu đồng
  - Chi quà tặng cán bộ, người lao động Tổng công ty PLC là Hội viên Hội Cựu chiến binh TCT PLC nhân ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12: 12 triệu đồng
  - Ngoài ra, Công đoàn TCT PLC, các CĐCSTV, các CĐBP thường xuyên thực hiện trách nhiệm đối với các Hội từ thiện để đóng góp theo các chương trình do các địa phương đề xuất như mua vé xem biểu diễn văn nghệ để ủng hộ các Quỹ, góp tiền ủng hộ xây nhà tình thương, thăm hỏi các gia đình có công với cách mạng, nuôi dưỡng 01 bà mẹ VNAH tại Đà Nẵng từ năm 1996 đến nay.

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

##### ***Ngành hàng Dầu mỡ Nhờn:***

Tình hình giá dầu thô thế giới liên tục biến động gây khó khăn trong việc dự báo giá nguyên liệu đầu vào. Hoạt động KD DMN của Tổng công ty tiếp tục chịu sự cạnh tranh gay gắt, quyết liệt của các công ty lớn như Castrol BP, Total, Shell, Caltex... Các công

ty này đã và đang tăng cường khuyến mại, hỗ trợ bán hàng tạo ra sự cạnh tranh trực tiếp đối với hệ thống phân phối DMN của Tổng công ty. Ngoài ra 02 công ty lớn của Nhật Bản là JXTG và Idemitsu đã hoạt động tại Việt Nam dẫn tới sự cạnh tranh về thương hiệu, khuyến mại và hỗ trợ bán hàng; đặc biệt từ năm 2017, JXTG là cổ đông chiến lược của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đã thực hiện nhiều chính sách KD DMN linh hoạt và sâu rộng trên thị trường Việt Nam, hiện đã và đang trực tiếp cạnh tranh rất mạnh với hệ thống bán hàng, kinh doanh DMN Petrolimex. Các khách hàng lớn như điện, than, khoáng sản, thép, xi măng, mía đường, xây dựng công trình giao thông... hầu hết chuyển từ hình thức mua bán thông thường sang hình thức đấu thầu để lựa chọn nhà cung cấp DMN.

#### ***Ngành hàng Nhựa đường:***

Nhựa đường là sản phẩm chủ yếu phục vụ các dự án giao thông đường bộ như nâng cấp, cải tạo, làm mới; Nguồn vốn của các dự án này phần lớn dựa vào vốn ODA, Ngân sách nhà nước, xã hội hóa như BT, BOT.... Một số dự án Công ty có kế hoạch triển khai giai đoạn 2018 - 2020 như: Đường bộ ven biển Hải Phòng Thái Bình, TX Sầm Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, Cầu Mễ Sờ vàng đai 4, QL 39 Triều Dương - Diêm Điền, Núi Cao tốc Hà Nội Hải Phòng, Pháp Vân Cầu Giẽ, Đường tránh Pleiku, QL 19 cảng Quy Nhơn, Phước Tân- Bãi Ngà, QL60 Bến Tre, Trung Lương Mỹ Thuận, Đường 25C, Bến Lức-Long Thành..., tiềm năng nhu cầu thị trường sẽ tăng dần vào năm 2019-2020.

Năm 2018 giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản chậm, dự kiến năm 2019 cũng chưa được cải thiện nhiều. Các dự án này phụ thuộc vào kế hoạch, chính sách của Quốc hội và Nhà nước trong từng giai đoạn, phụ thuộc vào hoạt động đầu tư công của Chính phủ. Các dự án giao thông bắt đầu giai đoạn triển khai nên tiến độ giải ngân rất chậm.

Cạnh tranh về cung cấp sản phẩm nhựa đường ở thị trường ngày càng gay gắt. Công ty Nhựa đường Petrolimex có các lợi thế về hệ thống kho bãi ở khu vực miền Trung, tuy nhiên vẫn bị ảnh hưởng mạnh bởi các đối thủ cạnh tranh như Adco, Tratimex đã triển khai xây dựng kho bãi với công suất lớn ở Quy Nhơn, Cam Ranh, Chân Mây. Công ty Puma xây dựng thêm kho bãi ở Đình Vũ-Hải Phòng với tổng sức chứa trên 21.000 tấn và kho Chu Lai- Quảng Nam với sức chứa 12.000 tấn.

#### ***Ngành hàng Hóa chất:***

Mức độ cạnh tranh trên thị trường Dung môi Hóa chất (DMHC) Việt Nam ngày càng trở nên khốc liệt cả ở phía Nam lẫn phía Bắc, với nhiều đối thủ cạnh tranh mạnh như Samsung, PKG Kaiser, Bình Trí, Việt Bình Phát, Top Solvent, Hóa chất Miền Bắc: các đối thủ áp dụng cơ chế bán hàng rất năng động như linh hoạt điều chỉnh giá bán và công nợ, tăng chiết khấu thanh toán, chi phí khuyến mại...

Các đối thủ là công ty nước ngoài như Top Solvents, Daleim, Riverbank, Sojitz, Better Resin... kinh doanh dưới hình thức liên doanh, liên kết, bao tiêu toàn bộ từ nhập khẩu nguyên liệu cho đến tiêu thụ thành phẩm; Sử dụng các lợi thế của mình về thương hiệu, nguồn hàng, vốn và lãi suất vay ngoại tệ ở nước ngoài để tăng cường cạnh tranh tại Việt Nam.

Thị trường xuất khẩu các mặt hàng DMHC năm 2018 gặp khó khăn do căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc chậm lại và kinh tế các nước trong khu vực chưa có khởi sắc... dẫn đến sản lượng bán chuyển khẩu của Công ty trong năm 2018 giảm khá mạnh so với năm 2017.

Năm 2018 giá DMHC biến động trái chiều đã khiến công tác đánh giá, nhận định, dự báo thị trường gặp rất nhiều khó khăn: Giá tăng trong 2 tháng đầu năm, quay đầu giảm giá vào 2 tháng tiếp theo, sau đó lại tăng trở lại từ tháng 5 và đạt mức cao vào cuối tháng 9 ; nhưng bất ngờ giảm mạnh từ giữa tháng 10 đến hết năm đã làm ảnh hưởng lớn tới kết quả thực hiện về sản lượng, doanh thu và nhất là lợi nhuận của Công ty năm 2018.

### **Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất năm 2018**

*Đơn vị tính: Tấn,m3/triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So thực hiện năm 2018 với	
					KH 2018	TH 2017
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	340,971	359,280	389,405	108.38%	114.20%
2	Tổng doanh thu thuần	5,046.459	5,530,870	6,433,978	116.32%	126.58%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	215,077	236,814	194,036	81.93%	90.21%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	171,401	189,452	152,990	80.75%	89.25%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	12.72%	13.95%	11.47%	82.15%	90.09%
6	Tỷ suất LNST/VĐL	21.21%	23.45%	18.93%	80.72%	89.25%
7	Tỷ lệ cổ tức	20%	Tối thiểu 80% LNST	-		

Năm 2018 tiếp tục là một năm thực sự khó khăn đối với Tổng công ty, đặc biệt là ngành hàng DMN và Nhựa đường. Sản lượng DMN chỉ đạt 95% kế hoạch, giá vốn tăng do yếu tố nguyên liệu đầu vào tăng làm lợi nhuận HĐKD ngành hàng DMN chỉ đạt 90,6% kế hoạch, cùng với việc phải trích lập dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty CP vận tải Hóa dầu VP (19,697 tỷ đồng) là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận hợp nhất không đạt Kế hoạch đã được ĐHCĐ thường niên năm 2018 giao.

### **Tình hình tài sản, nguồn vốn hợp nhất tại thời điểm 31/12/2018**

- Thời điểm 31/12/2018, Tổng tài sản/Nguồn vốn Hợp nhất của Tổng công ty là hơn 4.854 tỷ đồng. Trong đó: Tài sản ngắn hạn chiếm 78,18%, Tài sản dài hạn chiếm 21,82 % Tổng tài sản; Vốn chủ sở hữu chiếm 27,3%, các khoản Nợ phải trả chiếm 72,7% Tổng nguồn vốn.

- Tổng tài sản cuối năm tăng 974 tỷ đồng so với đầu năm; trong đó: Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 312 tỷ đồng; Hàng tồn kho tăng 362 tỷ đồng; Tài sản cố định tăng 169 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn cuối năm tăng 974 tỷ đồng so với đầu năm; trong đó: Phải trả người bán tăng 360 tỷ; Vay và nợ ngắn hạn tăng 580 tỷ.

- Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại 31/12/2018 là 1.324 tỷ đồng được dùng để tài trợ cho khoảng 27,3% Tổng tài sản, 72,7% các tài sản còn lại được tài trợ bằng nợ phải trả và vay từ các định chế tài chính. Nợ phải trả cuối năm tăng 992 tỷ đồng so với đầu năm; trong đó vay ngắn hạn tăng 580 tỷ đồng, Phải trả người bán ngắn hạn tăng 360 tỷ đồng, Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu là 2,66 lần.

Đơn vị tính: triệu đồng

TÀI SẢN/ NGUỒN VỐN	Số cuối năm 31/12/2018		Số đầu năm 01/01/2018	
	Giá trị	Tỷ	Giá trị	Tỷ
		trọng (%)		trọng (%)
<b>I - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>3,795,726</b>	<b>78.18</b>	<b>2,983,179</b>	<b>76.87</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	583,655	12.03	564,862	14.56
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	110,809	2.28	43,851	1.13
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	1,878,626	38.72	1,566,184	40.36
4. Hàng tồn kho	1,139,020	23.43	776,730	20.01
5. Tài sản ngắn hạn khác	83,616	1.72	31,552	0.81
<b>II- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>1,058,518</b>	<b>21.82</b>	<b>897,559</b>	<b>23.13</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	4,258	0.09	3,865	0.10
2. Tài sản cố định ròng	677,908	13.97	508,838	13.11
3. Bất động sản đầu tư	3,235	0.07	3,234	0.08
4. Tài sản dở dang dài hạn	162,641	3.35	152,870	3.94
5. Đầu tư tài chính dài hạn	43,534	0.90	63,233	1.63
6. Tài sản dài hạn khác	166,942	3.44	165,519	4.27
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>4,854,244</b>	<b>100.00</b>	<b>3,880,738</b>	<b>100.00</b>
<b>I- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>3,529,516</b>	<b>72.70</b>	<b>2,537,043</b>	<b>65.38</b>
1. Nợ ngắn hạn	3,441,162	70.88	2,462,290	63.45
2. Nợ dài hạn	88,354	1.82	74,754	1.93
<b>II- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1,324,728</b>	<b>27.30</b>	<b>1,343,695</b>	<b>34.62</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	807,988	16.65	807,988	20.82
2. Thặng dư vốn cổ phần	3,561	0.07	3,561	0.09
3. Vốn khác của chủ sở hữu	379	0.01	422	0.09
4. Quỹ đầu tư phát triển	338,291	6.97	338,291	8.72
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20,464	0.42	20,464	0.53
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	154,045	3.17	172,969	4.46
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>4,854,244</b>	<b>100.00</b>	<b>3,880,738</b>	<b>100.00</b>

**Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:**

Năm 2018, Tổng công ty chỉ còn đầu tư vốn vào 01 công ty liên kết là Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP (Công ty VP):

- Giá trị vốn góp của Tổng công ty đầu tư vào Công ty VP trên BCTC hợp nhất năm 2018, được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 là 43,534

triệu đồng, giảm 22.465 triệu đồng so với vốn góp ban đầu (66.000 triệu đồng với tỷ lệ vốn góp là 43,78%).

- Năm 2017, Công ty VP lỗ 7,9 tỷ đồng, Công ty mẹ đã trích dự phòng cho khoản lỗ này là 2,7 tỷ đồng; Năm 2018 Công Ty VP lỗ - 44,2 tỷ đồng, Công ty mẹ đã trích dự phòng cho khoản lỗ này là 19,7 tỷ đồng.

### **Tình hình Đầu tư CSVCKT năm 2018.**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

S T T	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/ CHỦ ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH (KH) 2018	THỰC HIỆN (TH) 2018	TH/ KH 2018 (%)
	<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>	<b>394,963</b>	<b>285,893</b>	<b>72.38%</b>
<b>A</b>	<b>CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI</b>	<b>350,454</b>	<b>257,126</b>	<b>73.37%</b>
1	Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	70,374	52,532	74.65%
2	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	139,993	97,941	69.96%
3	Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	140,087	106,653	76.13%
<b>B</b>	<b>CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN</b>	<b>44,509</b>	<b>28,767</b>	<b>64.63%</b>
1	Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	26,367	25,183	95.51%
2	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	10,372	3,584	34.55%
3	Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	7,770	0	0.00%

Tổng giá trị đầu tư mới và sửa chữa lớn hoàn thành năm 2018 của Tổng công ty đạt 285.893 triệu đồng, bằng 72,38% so với Kế hoạch đầu tư CSVCKT năm 2018 được duyệt. Tổng công ty tiếp tục quán triệt nguyên tắc: tập trung đầu tư mới, cải tạo, mở rộng, sửa chữa lớn cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ trực tiếp hoạt động SXKD của 3 ngành hàng nhằm nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh. Các dự án đầu tư CSVCKT lớn đang được triển khai, hoàn thành: Nhà máy Dầu nhờn Đình Vũ, Kho Hóa chất Đình Vũ, Kho Nhựa đường Cam Ranh...

## **2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

### **2.1. Về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý - điều hành**

- Tiếp tục thực hiện đề án Tái cấu trúc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;
- Sửa đổi, bổ sung, ban hành lại nhiều quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định mới của Nhà nước và pháp luật;
- Kiện toàn lại cơ cấu tổ chức của Tổng công ty theo hướng chuyên sâu;
- Chuẩn bị triển khai phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp, đồng thời ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC;
- Tăng cường điều hành tài chính hiệu quả giữa các đơn vị trong Tổng công ty.

### **2.2. Các biện pháp kiểm soát rủi ro, tăng cường hiệu quả hoạt động**

- Tăng cường quản lý, giám sát để tiết giảm chi phí, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật

tiên tiến từ khâu nhập khẩu, sản xuất, vận tải, bán hàng;

- Nâng cao vai trò quản trị doanh nghiệp thông qua việc ban hành các Quy chế quản lý nội bộ. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát trong toàn Tổng công ty.
- Phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban nhằm kiểm soát tốt các diễn biến của thị trường, nhanh chóng đưa ra các giải pháp trong từng tình huống cụ thể;
- Tập trung mọi nguồn lực vào lĩnh vực chuyên ngành, không đầu tư vào các ngành nghề mà Tổng công ty không phải là thế mạnh.

### 3. Kế hoạch phát triển

Bước sang năm 2019, theo dự báo của OPEC và Hiệp hội kinh doanh xăng dầu Việt Nam, khả năng giá dầu thế giới sẽ ổn định và dao động quanh mức 50-60 USD/thùng, giá dầu mỏ chắc chắn không ổn định thời gian dài ở mức độ thấp hay cao nhất mà sẽ liên tục biến động theo các yếu tố tác động trong từng thời kỳ. Tuy nhiên, tất cả những nhân tố tác động khiến giá dầu biến động hiện đều chưa thấy có khả năng sẽ đột biến trong năm 2019.

Tuy nhiên, theo dự báo năm 2019 lãi suất có thể có những yếu tố thuận lợi do: Áp lực lạm phát có thể giảm bớt khi giá dầu thế giới không biến động nhiều, đồng USD dự báo suy yếu làm giảm áp lực từ phía tỷ giá, mức độ biến động của tỷ giá USD/VND năm 2019 sẽ chỉ xấp xỉ như 2018. Đồng thời năm 2019, áp lực lên tỷ giá được giảm thiểu do các yếu tố tác động trong nước và quốc tế đang có chiều hướng thuận lợi hơn so với dự báo: Khả năng USD sẽ không tăng nhiều thậm chí có thể suy yếu hơn; Lạm phát trong nước có khả năng kiểm soát khoảng 4% do giá hàng hóa thế giới tăng không lớn, áp lực lên tỷ giá giảm bớt.

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trong năm thực hiện trong năm 2019, cụ thể như sau:

#### 3.1. Kế hoạch tài chính tổng hợp năm 2019:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019	KH 2019/TH 2018
1	Sản lượng	Tấn; m3	389,405	378,771	97.27%
2	Doanh thu thuần	Triệu đ	6,433,978	6,463,307	101.00%
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	194,036	208,286	107.00%
4	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	152,990	166,629	109.00%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	11.55%	12.27%	
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	18.93%	20.62%	
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	80% LNST	Tối thiểu 12%	

(VCSH và VĐL để tính tỷ suất thực hiện năm 2018 là số bình quân cuối 4 quý, tỷ suất kế hoạch 2019 là cân đối vốn bình quân theo năm kế hoạch).

Với tình hình khó khăn chung như trên đã trình bày: kế hoạch sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ 2018 giao trong điều kiện kinh doanh hết sức khó khăn, giá dầu thế giới trời sập, đối thủ cạnh tranh gay gắt, ...thì việc hoàn thành kế hoạch được giao là rất khó có khả năng thực hiện. Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã có nhiều cố gắng nỗ lực, đảm bảo an toàn mọi mặt trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo đời sống cho cán bộ



người lao động, giữ vững thị phần, thực hiện tốt các nghĩa vụ với nhà nước, quy định của doanh nghiệp, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý, từng bước hoàn thiện tái cấu trúc doanh nghiệp... Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex thực hiện tỷ lệ chia cổ tức năm 2018 là 80% LNST và có tích lũy quỹ đầu tư phát triển trong năm 2018; Để đảm bảo khả năng tích lũy, nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển, ổn định SXKD đề nghị mức cổ tức thực hiện năm 2019 tối thiểu là 12% lợi nhuận.

Ngoài mục tiêu gia tăng sản lượng, mở rộng thị trường, Tổng công ty duy trì mục tiêu tiết giảm chi phí và đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm, đảm bảo cân đối dòng tiền, bảo toàn và phát triển vốn.

### 3.2. Kế hoạch đầu tư năm 2019:

*Đvt: triệu đồng*

TT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN 2018	TH/KH NĂM 2018 (%)
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>394,963</b>	<b>285,893</b>	<b>72,4%</b>
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	350,454	257,126	73.37%
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	44,509	28,767	64.63%

Năm 2019, các công ty trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư các công trình/hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính, tạo điều kiện quan trọng để các công ty nâng cao vị thế, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường. Tổng giá trị đầu tư năm 2018 hoàn thành ở mức 285.893 tỷ đồng, đạt 72,4% Tổng kế hoạch dự toán đầu tư đã được duyệt trong năm; giá trị đầu tư hoàn thành các hạng mục sửa chữa lớn đạt 64,6% kế hoạch được duyệt.

### Kế hoạch đầu tư, thực hiện các dự án năm 2019:

*Đvt: triệu đồng*

STT	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH DỰ TOÁN ĐẦU TƯ NĂM 2019
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>235,203</b>
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	199,118
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	36,085

Nhận thức rõ được tầm quan trọng và giá trị mang lại của hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, công nghệ sản xuất tiên tiến để sản xuất ra các sản phẩm chất lượng cao, mang thương hiệu Petrolimex, trong năm 2019, Tổng công ty và hai Công ty TNHH trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng các công trình và hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính tại một số dự án, công trình đầu tư lớn, trọng điểm .

### **3.3. Các hoạt động trọng tâm khác trong năm 2019:**

- Hoàn thiện và đẩy mạnh lộ trình tái cấu trúc doanh nghiệp theo đề án Tái cấu trúc Tổng công ty; xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế nhằm tăng cường khả năng quản trị, kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.
- Triển khai đồng bộ các chính sách phát triển thị trường, gia tăng sản lượng bán, tiết giảm chi phí kinh doanh, chi phí tài chính trong toàn hệ thống, tăng cường quản lý và hoàn thiện hệ thống định mức chi phí; Tăng vòng quay hàng tồn kho; Hạn chế và kiểm soát tốt công nợ và tăng cường điều hành tài chính tập trung;
- Triển khai nhanh, hiệu quả phần mềm quản trị hệ thống ERP trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con. Hoàn thành ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.
- Thực hiện đúng quy trình, quy định về đầu tư. Đầu tư tập trung để rút ngắn thời gian triển khai, nhanh chóng đưa các công trình vào khai thác, sử dụng để tạo lợi thế, tận dụng được cơ hội kinh doanh.
- Nghiên cứu sản xuất và tiếp thị, nhanh chóng đưa các sản phẩm mới có hiệu quả kinh doanh cao vào thị trường Việt Nam và đưa sản phẩm PLC ra thị trường khu vực...

#### **4. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có**

#### **5. Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty**

##### ***Đánh giá các chỉ tiêu môi trường***

*Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM):* Thực hiện các quy định của pháp luật về đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trước khi thực hiện dự án xây dựng và trong quá trình vận hành các Nhà máy dầu nhờn, Tổng công ty đều lập báo cáo và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo ĐTM và lập kế hoạch BVMT:

- *NMDN Thương Lý:* đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được lập và hoàn thành vào tháng 11 năm 1998 đã được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phê duyệt. Với các hạng mục đầu tư mới, báo cáo ĐTM đã được UBND TP Hải Phòng phê duyệt tại quyết định số: 617/QĐ-UBND ngày 15/04/2016.
- *NMDN Nhà Bè:* Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Cải tạo, mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè” lập tháng 12 năm 2012, được Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh phê duyệt tại quyết định số:1540/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 21/12/2012.
- *Kho Dầu nhờn Đức Giang:* Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án “Kho Dầu nhờn Đức Giang” lập tháng 12 năm 2008, được Ủy ban nhân dân Quận Long Biên phê duyệt tại văn bản số: 02/GXN-UBND ngày 08/01/2009.

##### ***Quản lý Nước thải:***

- Khối lượng nước thải trung bình của các kho, nhà máy của Tổng công ty: 18,8 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Quá trình sản xuất, bảo quản hàng hóa tại các kho, nhà máy của Tổng công ty không sử dụng nước và không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất. Lượng nước

phát sinh từ các Kho, Nhà máy chủ yếu là nước mưa chảy tràn bề mặt và nước sinh hoạt của khu nhà văn phòng.

- Nước thải được thu gom vào rãnh thoát nước của Nhà máy, được xử lý qua các bể lắng gạn, sau đó đi vào hệ thống thoát nước của các Tổng kho xăng dầu trực thuộc Petrolimex trước khi chảy ra môi trường.

#### *Quản lý Chất thải rắn (CTR):*

- Khối lượng chất thải sinh hoạt trung bình tại Kho, Nhà máy của Tổng công ty là 305 kg/tháng;
- Chất thải sinh hoạt sau khi thu gom tại các Kho, Nhà máy sẽ chuyển giao cho các công ty môi trường thu gom, xử lý, như Công ty TNHH môi trường Đô thị Hải Phòng; Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Công ích Huyện Nhà Bè và Xí nghiệp Môi trường đô thị Gia Lâm.

#### *Quản lý Chất thải nguy hại (CTNH):*

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất dầu mỡ nhờn. Các loại chất thải này được thu gom, phân loại, lưu giữ và quản lý tại Kho chứa chất thải nguy hại (Kho CTNH tại NMDN Thượng Lý diện tích 290m<sup>2</sup>, tại NMDN Nhà Bè diện tích 230m<sup>2</sup>, tại Kho Dầu nhờn Đức Giang 10m<sup>2</sup>). Mỗi Kho, Nhà máy đều có Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh/thành phố nơi nhà Kho/Nhà máy đặt trụ sở cấp. Khối lượng phát sinh thực tế theo các chứng từ CTNH được báo cáo định kỳ 06 tháng/lần đến Sở TNMT TP Hà Nội, TP Hải Phòng, TP.Hồ Chí Minh.
- Tổng công ty PLC ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với Công ty TNHH Tân Thuận Phong; Công ty CP Hòa Anh; Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Ngọc Tân Kiên; Công ty Việt Úc; HTX Thương mại & Dịch vụ Phúc Lợi và Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 10 - URENCO 10 là các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTNH.

#### ***Đánh giá các vấn đề liên quan đến người lao động***

- Hàng năm Tổng công ty đều lập và triển khai kế hoạch tuyển dụng, lao động, cho người lao động thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động trình HĐQT thông qua, đảm bảo quyền lợi của người lao động đã cam kết tại Thỏa ước lao động tập thể đồng thời phù hợp với chính sách phát triển dài hạn của Tổng công ty.
- Năm 2018, không có tranh chấp về lao động và quyền lợi của người lao động đối với các chương trình, kế hoạch mà Tổng công ty đã đề ra. Quyền lợi của người lao động được đảm bảo theo những cam kết tại Thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động. Người lao động đều muốn gắn bó, làm việc lâu dài tại Tổng công ty.

#### ***Đánh giá trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương***

- Tổng công ty và các tổ chức đoàn thể của PLC nhiệt tình tham gia các cuộc vận động ủng hộ, tham gia công tác xã hội - từ thiện. Thực hiện nghiêm túc việc vận động đóng góp về Quỹ từ thiện xã hội chung của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; Giải quyết hợp lý

các chi phí cho công tác từ thiện theo quy định tài chính; Tích cực vận động và nhận được sự tham gia rất nhiệt tình ủng hộ từ CB-NLĐ cho công tác xã hội, từ thiện, đóng góp cho các quỹ: Vì người nghèo, vì trẻ em khuyết tật, quỹ nạn nhân chất độc màu da cam, quỹ nghĩa tình đồng đội...

- Phong trào đền ơn đáp nghĩa, xã hội, từ thiện và các phong trào khác theo đặc thù của đơn vị được thực hiện một cách có ý nghĩa. Ngoài các mức huy động ủng hộ đối với từng cá nhân, Công đoàn CSTV và công đoàn bộ phận trực thuộc trích lập Quỹ xã hội từ thiện của Tập đoàn, Quỹ xã hội từ thiện đơn vị theo quy định. Ủng hộ công tác từ thiện địa phương trú đóng; hỗ trợ, đóng góp cho nhiều đối tượng trong và ngoài Tổng công ty có hoàn cảnh khó khăn ...do Công đoàn và chính quyền phát động.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

### **1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Tổng công ty**

Năm 2018 được đánh giá là năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex gặp rất nhiều khó khăn . Giá dầu thế giới biến động phức tạp , mặc dù kinh tế trong nước ổn định, lãi suất, tỷ giá, lạm phát biến động thấp...các ngành hàng kinh doanh của Tổng công ty chịu áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt. Tình hình xuất khẩu của ngành hàng dầu nhờn gặp rất nhiều khó, liên tục sụt giảm sản lượng trong những năm gần đây, mặc dù đã triển khai nhiều chương trình nhằm thúc đẩy thị trường trong nước và tìm kiếm nhiều giải pháp gia tăng hoạt động xuất khẩu ra các nước trong khu vực, tuy nhiên hoạt động của ngành hàng dầu mỡ nhờn chưa được như kỳ vọng. Ngành hàng nhựa đường hiệu quả chưa được như kỳ vọng, hoạt động mang tính chu kỳ, trong nước một số dự án lớn đã hoàn thành hoặc triển khai chậm do vậy nhu cầu nhựa đường không còn nhiều, các dự án lớn mới triển khai ở giai đoạn đầu, tổng nhu cầu thị trường sụt giảm nhiều, mặt hàng đem lại lợi nhuận cao là Polyme và Nhũ tương chủ yếu phục vụ cho các dự án BOT, các đối thủ cạnh tranh trong những năm qua đã đầu tư thêm nhiều kho bãi và dùng nhiều hình thức cạnh tranh để tranh giành khách hàng và thị phần...Ngành hàng hóa chất có tốc độ tăng trưởng khá trong năm, có điều kiện nâng cao quy mô thị trường, mức gia tăng lợi nhuận cải thiện đáng kể tạo đà cho sự phát triển những năm tiếp theo.

### **2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc**

Trong gần 25 năm xây dựng và trưởng thành, Ban điều hành Tổng công ty là những người được chọn lựa từ hơn 700 người lao động của Tổng công ty, làm việc mẫn cán, quyết liệt và cẩn trọng. Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông và nhiệm vụ do Hội đồng quản trị đề ra.

Năm 2018, theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã quyết liệt trong mọi mặt hoạt động, tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành tại các kho, nhà máy, các chi nhánh, cũng như trong các phương án đầu tư...Ngoài ra, việc tăng cường giám sát, quản lý, hạn chế hao

hụt, sai lỗi trong sản xuất đã được chú trọng thông qua việc cải tiến, đổi mới quy trình quản lý sản xuất đã được Ban điều hành thực hiện đem lại hiệu quả rõ nét trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất.

Nhìn chung, trong bối cảnh kinh tế còn khó khăn, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã nỗ lực làm việc và có những quyết định linh hoạt, kịp thời để giữ vững hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lợi cho Tổng công ty, đồng thời tiếp tục nâng cao năng lực quản lý và chăm lo đời sống cho người lao động.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Theo các dự báo về triển vọng kinh tế Việt Nam và những biến động trong các lĩnh vực chuyên doanh của PLC, đồng thời đánh giá vị thế của PLC trên thị trường, HĐQT đã thống nhất phương hướng mục tiêu chiến lược cho PLC trong giai đoạn tiếp theo:

- Tiếp tục phát triển ổn định thị trường dầu nhờn trong nước thông qua sức mạnh của liên kết nội bộ tập đoàn Petrolimex, đồng thời phát triển thêm các kênh bán hàng mới phù hợp xu thế phát triển của thị trường, để giữ vững hiệu quả kinh doanh. Phân đầu nâng hiệu quả sử dụng vốn của ngành hàng nhựa đường, hóa chất lên ngang mức trả cổ tức. Tích cực đầu tư, phát triển mạnh sang thị trường các nước lân cận để đảm bảo tổng lợi nhuận của toàn PLC tiếp tục tăng trưởng trong nhiệm kỳ tới.
- Cổ tức bằng tiền của cổ đông hàng năm không thấp hơn 12%, Tổng công ty vẫn có tích lũy, tái đầu tư để tăng vốn chủ sở hữu của PLC lên trên 1.600 tỷ đồng, trong đó, vốn đầu tư của chủ sở hữu trên 1.000 tỷ đồng.
- Tích cực triển khai các hệ thống quản trị tiên tiến vào doanh nghiệp, đáp ứng mục tiêu minh bạch thông tin, hội nhập các tiêu chuẩn quốc tế.
- Xây dựng Tổng công ty PLC thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.

Năm 2019, là năm đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT mới, kỷ niệm 25 năm thành lập Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex, với dự báo kinh tế Việt Nam phát triển ổn định, việc phát triển kinh doanh sang thị trường Lào và Campuchia đã có nhiều khởi sắc, nhưng quy mô còn nhỏ. Nên dự báo năm 2019 chưa có biến động đột biến về sản lượng cũng như lợi nhuận đối với cả ba ngành hàng. HĐQT nhận định, mục tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2019 phải có tăng trưởng so với 2018 nhưng không có nhiều đột biến. Đây là nhiệm vụ khó khăn và chỉ có thể thực hiện được khi thực hiện tốt các giải pháp:

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, với chỉ tiêu giảm tuổi nợ của nhóm khách hàng lớn, xử lý nợ khó đòi và tăng vòng quay hàng tồn kho.
- Tiết kiệm chi phí, gồm cả chi phí tài chính và chi phí kinh doanh trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con.
- Giữ vững thị phần của các đối tác trong Petrolimex và phát triển bền vững khách hàng bên ngoài.

## V. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị



**Ông Phạm Bá Nhuận**  
Chủ tịch HĐQT PLC chuyên trách  
Sinh năm 1960  
Cử nhân Kinh tế lao động.  
Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,0001 %



**Ông Nguyễn Văn Đức**  
UV HĐQT PLC  
Tổng giám đốc PLC  
Sinh năm 1960  
Thạc sỹ QTKD,  
Kỹ sư Hóa dầu,  
Cử nhân TCKT, Cử nhân  
chính trị.  
Sở hữu 0,1879%



**Ông Vũ Văn Chiến**  
UV HĐQT PLC  
CT HĐQT Cty TNHH  
Nhựa đường Petrolimex;  
Sinh năm 1961  
Thạc sỹ QTKD,  
Cử nhân TCKT  
Sở hữu 0,2858%



**Ông Hà Thanh Tuấn**  
UV HĐQT  
CT HĐQT kiêm GD Cty  
TNHH Hóa Chất Petrolimex  
Sinh năm 1963  
Thạc sỹ QTKD,  
Cử nhân TCKT  
Sở hữu 0,1186%



**Ông Nguyễn Văn Khánh**  
UV HĐQT - Không điều hành.  
Sinh năm 1960  
Kỹ sư máy hóa  
Sở hữu 0,003%



**Ông Đỗ Hữu Tạo**  
UV HĐQT - Không điều hành.  
TV HĐQT Cty TNHH Hóa  
Chất Petrolimex  
Sinh năm 1973  
Tiến sĩ hóa dầu  
Sở hữu 0,00%



**Ông Nguyễn Hà Trung**  
UV HĐQT – chuyên  
trách.  
TV HĐQT Cty TNHH  
Nhựa đường Petrolimex  
Sinh năm 1974  
Thạc sỹ QTKD,  
Cử nhân TCKT  
Sở hữu 0,07%

Sau ĐHCĐ thường niên 2018, HĐQT PLC với 7 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT và 1 Thành viên HĐQT làm việc chuyên trách. HĐQT đã rà soát và phân công nhiệm vụ cụ

thể cho từng thành viên, để HĐQT hoạt động theo quy định của Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ và hiệu quả. Cụ thể như sau:

- 1- Ông Phạm Bá Nhuận – Chủ tịch HĐQT chuyên trách, phụ trách chung, hoạch định chiến lược phát triển trung và dài hạn, chỉ đạo công tác kế hoạch hóa, công tác nhân sự, lương thưởng.
- 2- Ông Nguyễn Văn Khánh - Ủy viên HĐQT không điều hành, phụ trách công tác đầu tư, công nghệ, phát triển.
- 3- Ông Nguyễn Văn Đức - Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc , phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng dầu mỡ nhờn, trực tiếp phụ trách công tác kế hoạch hóa toàn PLC.
- 4- Ông Vũ Văn Chiến - Ủy viên HĐQT - phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng nhựa đường.
- 5- Ông Hà Thanh Tuấn - Ủy viên HĐQT - phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng hóa chất.
- 6- Ông Đỗ Hữu Tạo - Ủy viên HĐQT không điều hành, phụ trách công tác phát triển sản phẩm, hao hụt.
- 7- Ông Nguyễn Hà Trung - Ủy viên HĐQT chuyên trách, phụ trách công tác tài chính, quản trị rủi ro.

Năm 2018, HĐQT đã triệu tập 10 phiên họp và tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 20 lần để ra nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định (Chi tiết nội dung các nghị quyết của HĐQT đã được công bố trong Báo cáo quản trị Tổng công ty năm 2018 đính kèm). Qua đó, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành, thông qua việc:

- Định kỳ hàng quý, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2018, từ đó kiến nghị xây dựng lại kế hoạch 2018 và đề ra những mục tiêu cụ thể và thông qua các chủ trương, tư vấn biện pháp thực hiện cho ban điều hành.
- Giám sát công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
- Hỗ trợ/huy động vốn hiệu quả nhất giữa các Công ty và nguồn vốn bên ngoài phục vụ kinh doanh và đầu tư phát triển của PLC.
- Chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên, phân tích tình hình kinh tế xã hội có liên quan để xác định mục tiêu kế hoạch năm 2019, trình ĐHĐCĐ phê duyệt và chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc tổ chức thực hiện.

## **2. Ban kiểm soát**

Từ ngày 01/11/2017, Bà Trần Thị Minh Hà - Trưởng Ban kiểm soát nghỉ hưu theo chế độ và Ban kiểm soát đã bầu ông Tống Văn Hải, Thành viên Ban kiểm soát giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát. ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đã đồng ý để ông Hoàng Văn Thành thôi không tham gia Ban kiểm soát và bầu bổ sung ông Đoàn Hồng Sáng, ông Phạm Tuấn Phương làm Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2018. Tại cuộc họp Ban kiểm soát ngày 18/4/2018, Ban kiểm soát đã bầu ông Đoàn Hồng Sáng làm Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2018. Như vậy từ ngày 1/1/2018 đến 18/4/2018, Ban kiểm soát hoạt động với 2 thành viên kiêm nhiệm và từ 19/4/2018 đến 31/12/2018, Ban kiểm soát hoạt động với 3 thành viên, trong đó có một thành viên kiêm nhiệm.



**Ông Đoàn Hồng Sáng**  
 Trưởng BKS - chuyên trách  
 Sinh năm 1969  
 Cử nhân Tài chính kế toán  
 Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,0%



**Ông Phạm Tuấn Phương**  
 Thành viên BKS chuyên trách  
 Sinh năm 1968  
 Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Kế  
 toán thương mại, Kỹ sư hóa dầu  
 Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0%



**Ông Tống Văn Hải**  
 Thành viên BKS  
 Sinh năm 1980  
 Thạc sỹ QTKD,  
 Cử nhân Tài chính Ngân hàng  
 Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,0062%

Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tích cực, chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty; Chủ tịch, Giám đốc và Kiểm soát viên các công ty con để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ với một số hoạt động cụ thể:

- Tham gia tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Tổng công ty.
- Sửa đổi ban hành lại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát; Xây dựng ban hành kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ cho từng KSV.
- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018; tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Tham gia thảo luận, giám sát việc xây dựng Kế hoạch SXKD, Kế hoạch cân đối vốn, Kế hoạch lao động tiền lương năm 2018...
- Thẩm định Báo cáo tài chính định kỳ.
- Tham gia thảo luận, góp ý xây dựng, sửa đổi điều lệ, các quy chế, quy định quản lý, quản trị của Tổng công ty và các công ty con.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến độc lập, khách quan trong phạm vi quyền hạn của Ban kiểm soát.
- Tiến hành kiểm tra, kiểm soát quy chế, quy định, quy trình và thực tế thực hiện công tác Quản lý chi phí SXKD, Nợ phải thu, Nợ phải trả tại Công ty mẹ, Công Nhựa đường và Công ty Hóa chất. Nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SX KD, khả năng quản trị và cảnh báo rủi ro.
- Lập Báo cáo kiểm soát hoạt động Tổng công ty định kỳ đúng quy định, gửi Hội đồng quản trị Tập đoàn.
- Thực hiện các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty...
- Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, đảm bảo dân chủ, minh bạch. Ngoài ra, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin qua Email, điện thoại đối với những công việc liên quan đến hoạt động của đơn vị cần có ý kiến của Ban kiểm soát.



Trong nhiệm kỳ 2014-2018, Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao một cách khách quan, trung thực trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát và quy định của Pháp luật. Trong điều kiện phạm vi hoạt động rộng, tính chất phức tạp theo đặc thù của từng ngành hàng và có nhiều rủi ro tiềm ẩn, Ban kiểm soát nhận thấy công tác kiểm tra, giám sát cần được duy trì thường xuyên và thực hiện đồng bộ ở tất cả các cấp HĐQT, HĐQTV và Ban điều hành.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát**

#### ***Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:***

- Việc trả tiền lương, tiền thưởng và các thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng Tổng công ty và Chủ tịch HĐQTV, Giám đốc Công ty con được trả theo quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định hiện hành của Tổng công ty gắn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018. Theo đó, Tổng QTL và thù lao HĐQT năm 2018 là: 2.129.617.285 đồng.
- Lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2018 thực hiện theo phương án được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua. Theo đó, Tổng lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2018 là 869.841.459 đồng.
- Các thu nhập khác thực hiện theo quy định về chính sách đối với người lao động của Nhà nước và của Tổng công ty.

#### ***Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:***

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Hà Trung	TV HĐQT	0	0,0000%	18.500	0,0229%	Mua 18.500 CP vào T7/2018
2	Nguyễn Hà Trung	TV HĐQT	18.500	0,0229%	56.700	0,0702%	Mua 38.200 CP vào T8/2018

***Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:*** Không có

#### ***Việc thực hiện các quy định về quản trị Tổng công ty***

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống quy trình, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến. Kết quả được thể hiện qua:

- Các Quy chế như Quy chế quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản lý lao động, tiền lương và thu nhập khác của Tổng công ty. Đồng thời HĐQT quyết định thay đổi Điều lệ của các công ty con cho phù hợp với mô hình tổ chức mới tại Công ty con và yêu cầu HĐQTV ban hành một số quy chế quản trị nội bộ để vận hành cho phù hợp với quy định của pháp luật và định hướng của HĐQT PLC. HĐQT PLC

đang cho tiến hành rà soát và hoàn thiện định hướng pháp lý trong điều kiện tái cấu trúc và thực tiễn: như ban hành mới Quy chế tài chính toàn hệ thống PLC (bao gồm Công ty mẹ và công ty con), Quy chế bảo lãnh tín dụng (của Công ty mẹ đối với các Công ty con...)

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai ứng dụng hệ thống thông tin quản trị hiện đại vào quản lý, ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** *(đính kèm)*



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thông tin về Tổng công ty**

**Quyết định cổ phần hóa** Số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 01 tháng 03 năm 2004.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp** Số 0101463614 ngày 16 tháng 08 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 08 năm 2016.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Tạo	Thành viên (từ ngày 18/04/2018)
Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên (từ ngày 18/04/2018)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban kiểm soát (từ ngày 18/04/2018)
Ông Phạm Tuấn Phương	Thành viên Ban kiểm soát (từ ngày 18/04/2018)
Ông Tống Văn Hải	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Hoàng Văn Thành	Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 18/04/2018)

**Trụ sở đăng ký** Tầng 18&19, số 229 Phố Tây Sơn  
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

### **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 03 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00126-19-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 01 - DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>3.795.725.359.562</b>	<b>2.983.178.841.054</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>583.654.569.745</b>	<b>564.861.713.102</b>
Tiền	111		238.654.569.745	190.861.713.102
Các khoản tương đương tiền	112		345.000.000.000	374.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>110.809.348.225</b>	<b>43.851.350.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	110.809.348.225	43.851.350.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.878.626.068.186</b>	<b>1.566.184.002.298</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.961.352.729.856	1.666.222.449.880
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		65.456.780.201	73.138.430.615
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	24.767.983.838	14.539.810.234
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(174.112.269.929)	(187.716.688.431)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.160.844.220	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>1.139.019.474.211</b>	<b>776.729.529.665</b>
Hàng tồn kho	141		1.139.019.474.211	776.729.529.665
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>83.615.899.195</b>	<b>31.552.245.989</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.832.033.341	5.763.099.218
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		77.543.823.932	23.525.188.685
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	1.240.041.922	2.263.958.086

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>1.058.518.160.132</b>	<b>897.559.049.676</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.258.194.500</b>	<b>3.864.872.800</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	4.258.194.500	3.864.872.800
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>677.907.867.529</b>	<b>508.837.657.656</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	673.432.550.856	506.276.626.033
Nguyên giá	222		1.274.890.507.172	1.051.657.752.895
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(601.457.956.316)	(545.381.126.862)
Tài sản cố định vô hình	227	12	4.475.316.673	2.561.031.623
Nguyên giá	228		10.371.535.312	7.879.535.312
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.896.218.639)	(5.318.503.689)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>3.234.686.485</b>	<b>3.234.686.485</b>
Nguyên giá	231	13	3.234.686.485	3.234.686.485
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>162.641.748.723</b>	<b>152.870.182.358</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	162.641.748.723	152.870.182.358
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>43.534.152.089</b>	<b>63.232.641.789</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	43.534.152.089	63.232.641.789
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>166.941.510.806</b>	<b>165.519.008.588</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	166.941.510.806	165.519.008.588
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>4.854.243.519.694</b>	<b>3.880.737.890.730</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>3.529.516.069.783</b>	<b>2.537.043.216.684</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.441.161.911.141</b>	<b>2.462.289.679.528</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.140.134.079.457	780.398.616.082
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.302.020.252	18.931.623.376
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	32.685.436.264	20.716.038.169
Phải trả người lao động	314		52.820.969.832	37.740.047.020
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	18.306.722.614	3.669.411.851
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	22.452.493.869	13.010.413.010
Vay ngắn hạn	320	21(a)	2.159.810.073.891	1.579.304.542.721
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	3.650.114.962	8.518.987.299
<b>Vay dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>88.354.158.642</b>	<b>74.753.537.156</b>
Vay dài hạn	338	21(b)	88.354.158.642	74.753.537.156
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.324.727.449.911</b>	<b>1.343.694.674.046</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>1.324.727.449.911</b>	<b>1.343.694.674.046</b>
Vốn cổ phần	411	24	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	24	(12.730.000)	(12.730.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(75.378.983)	(31.616.582)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	338.290.620.318	338.290.620.318
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	154.045.693.885	172.969.155.619
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.055.481.060	1.568.289.505
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		152.990.212.825	171.400.866.114
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>4.854.243.519.694</b>	<b>3.880.737.890.730</b>

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 02 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng	01	28	6.436.325.017.954	5.049.088.496.895
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	2.346.752.147	2.629.541.925
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>6.433.978.265.807</b>	<b>5.046.458.954.970</b>
Giá vốn hàng bán	11	29	5.562.567.838.945	4.263.628.331.642
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>871.410.426.862</b>	<b>782.830.623.328</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	31.551.861.295	31.867.413.787
Chi phí tài chính	22	31	111.220.124.566	60.268.695.295
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		85.633.635.141	54.202.198.384
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(19.698.489.700)	(3.847.738.597)
Chi phí bán hàng	25	32	489.928.882.606	446.045.201.873
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	95.821.736.320	91.678.692.836
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>186.293.054.965</b>	<b>212.857.708.514</b>
Thu nhập khác	31		9.550.049.163	4.348.537.806
Chi phí khác	32		1.806.733.552	2.129.202.299
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>7.743.315.611</b>	<b>2.219.335.507</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>194.036.370.576</b>	<b>215.077.044.021</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	41.046.157.751	43.676.177.907
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>152.990.212.825</b>	<b>171.400.866.114</b>
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ	61		152.990.212.825	171.400.866.114
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.766	2.121

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>194.036.370.576</b>	<b>215.077.044.021</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	64.373.247.239	92.796.367.154
Các khoản dự phòng	03	(13.604.418.502)	(1.625.837.091)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.487.054.180)	(655.556.412)
Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	1.306.955	(17.007.892.141)
Chi phí lãi vay	06	85.633.635.141	54.202.198.384
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>328.953.087.229</b>	<b>342.786.323.915</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(349.347.623.583)	(382.150.163.455)
Biến động hàng tồn kho	10	(362.289.944.546)	(43.348.928.736)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	385.687.061.919	162.114.381.402
Biến động chi phí trả trước	12	(3.746.869.573)	(2.215.661.663)
Tiền lãi vay đã trả	14	(85.633.635.141)	(54.202.198.384)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(40.475.633.063)	(42.582.557.215)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.187.426.899)	(12.036.531.824)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(142.040.983.657)</b>	<b>(31.635.335.960)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(222.210.840.888)	(180.090.380.607)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.372.062.558	1.049.790.000
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(66.957.998.225)	(43.851.350.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	15.387.657.871	19.105.294.700
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(272.409.118.684)</b>	<b>(203.786.645.907)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2018 VND	2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	4.728.392.912.277	3.599.755.301.078
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.133.547.632.811)	(3.244.693.834.831)
Tiền trả cổ tức	36	(161.371.354.225)	(160.649.989.175)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>433.473.925.241</b>	<b>194.411.477.072</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>19.023.822.900</b>	<b>(41.010.504.795)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>564.861.713.102</b>	<b>605.917.594.464</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(230.966.257)</b>	<b>(45.376.567)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>583.654.569.745</b>	<b>564.861.713.102</b>

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:

Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởngNguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

## **Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 09 - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

##### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

##### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

## Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (d) Cấu trúc Tổng công ty:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty có 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2 (01/01/2018: 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2) như sau:

			31/12/2018 và 01/01/2018 % sở hữu và % quyền biểu quyết
<b>Công ty con cấp 1</b>			
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Hà Nội	100%
<b>Công ty con cấp 2</b>			
Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào (*)	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Viêng- chăn, Lào	100%

(\*) Đây là công ty con của Công ty TNHH Nhựa Đường. Công ty được thành lập trong năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty có 1 công ty liên kết (01/01/2018: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 15.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty và các công ty con có 721 nhân viên (01/01/2018: 716 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

#### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## **Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

##### **(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

#### **(b) Ngoại tệ**

##### **(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức.



## **Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### **(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(d) Các khoản đầu tư**

##### ***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

#### **(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (g) Tài sản cố định hữu hình

##### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 17 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

Trong năm 2018, Tổng công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này, thời gian thay đổi như sau:

	2018	2017
▪ nhà cửa – bồn bể chứa	20 năm	10 năm
▪ máy móc, thiết bị	15 năm	5 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 năm	6 năm

Ảnh hưởng đối với giá trị chi phí khấu hao trong năm là đã làm giảm chi phí khấu hao là 33.708 triệu VND.

#### (h) Tài sản cố định vô hình

##### Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 - 10 năm.

Trong năm 2018, Tổng công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm máy tính từ 3 năm sang 8 năm để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này. Ảnh hưởng đối với giá trị chi phí khấu hao trong năm là đã làm giảm chi phí khấu hao là 548 triệu VND.

**(i) Bất động sản đầu tư**

***Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá***

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

**(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đầu tư sản văn phòng**

Chi phí đầu tư sản văn phòng là chi phí trả trước cho việc mua văn phòng tại tầng 18 và tầng 19 tòa nhà Mipec, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm mua đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**(iv) Chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**(n) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Tổng công ty và các công ty con chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

## **Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ("Tập đoàn") và các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn.

#### **4. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn;
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng nhựa đường; và
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất có nguồn gốc từ dầu mỏ.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.444.256.664.555	2.148.048.743.933	2.841.672.857.319	-	6.433.978.265.807
Doanh thu giữa các bộ phận	7.930.962.872	-	-	(7.930.962.872)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>1.452.187.627.427</b>	<b>2.148.048.743.933</b>	<b>2.841.672.857.319</b>	<b>(7.930.962.872)</b>	<b>6.433.978.265.807</b>
Giá vốn hàng bán	997.539.031.908	1.896.506.612.660	2.676.453.157.249	(7.930.962.872)	5.562.567.838.945
Chi phí bán hàng	216.533.530.196	191.148.836.507	82.246.515.903	-	489.928.882.606
Chi phí quản lý doanh nghiệp	54.075.609.578	21.704.348.059	20.041.778.683	-	95.821.736.320
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>184.039.455.745</b>	<b>38.688.946.707</b>	<b>62.931.405.484</b>	<b>-</b>	<b>285.659.807.936</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	17.285.940.218	19.593.083.810	10.186.534.349	(15.513.697.082)	31.551.861.295
Chi phí tài chính	(32.686.754.613)	(40.373.779.228)	(57.858.080.425)	19.698.489.700	(111.220.124.566)
Phần lỗ trong công ty liên kết	(19.698.489.700)	-	-	-	(19.698.489.700)
Thu nhập khác	2.834.331.096	5.543.050.094	1.172.667.973	-	9.550.049.163
Chi phí khác	(1.803.286.993)	(12.080)	(3.434.479)	-	(1.806.733.552)
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>(34.068.259.992)</b>	<b>(15.237.657.404)</b>	<b>(46.502.312.582)</b>	<b>4.184.792.618</b>	<b>(91.623.437.360)</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	149.971.195.753	23.451.289.303	16.429.092.902	4.184.792.618	194.036.370.576
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.960.150.375	4.968.537.404	5.117.469.972	-	41.046.157.751
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>119.011.045.378</b>	<b>18.482.751.899</b>	<b>11.311.622.930</b>	<b>4.184.792.618</b>	<b>152.990.212.825</b>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 01 tháng 01 năm 2018**

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.406.988.067.491	1.627.685.895.396	2.011.784.992.083	-	5.046.458.954.970
Doanh thu giữa các bộ phận	6.341.401.281	-	-	(6.341.401.281)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>1.413.329.468.772</b>	<b>1.627.685.895.396</b>	<b>2.011.784.992.083</b>	<b>(6.341.401.281)</b>	<b>5.046.458.954.970</b>
Giá vốn hàng bán	970.186.512.898	1.419.196.345.372	1.880.586.874.653	(6.341.401.281)	4.263.628.331.642
Chi phí bán hàng	207.327.403.802	164.181.847.490	74.535.950.581	-	446.045.201.873
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.417.609.735	30.864.505.880	16.396.577.221	-	91.678.692.836
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>191.397.942.337</b>	<b>13.443.196.654</b>	<b>40.265.589.628</b>	<b>-</b>	<b>245.106.728.619</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	11.928.610.810	21.041.504.949	8.336.305.996	(9.439.007.968)	31.867.413.787
Chi phí tài chính	(6.579.818.469)	(23.509.775.190)	(34.218.429.820)	4.039.328.184	(60.268.695.295)
Phần lỗ trong công ty liên kết	(3.847.738.597)	-	-	-	(3.847.738.597)
Thu nhập khác	2.316.712.706	937.350.412	1.094.474.688	-	4.348.537.806
Chi phí khác	(2.127.123.521)	(2.078.778)	-	-	(2.129.202.299)
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>1.690.642.929</b>	<b>(1.532.998.607)</b>	<b>(24.787.649.136)</b>	<b>(5.399.679.784)</b>	<b>(30.029.684.598)</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	193.088.585.266	11.910.198.047	15.477.940.492	(5.399.679.784)	215.077.044.021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.050.622.484	2.522.459.161	3.103.096.262	-	43.676.177.907
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>155.037.962.782</b>	<b>9.387.738.886</b>	<b>12.374.844.230</b>	<b>(5.399.679.784)</b>	<b>171.400.866.114</b>



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

	Dầu mỏ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.328.060.944	505.075.446.694	43.251.062.107	-	583.654.569.745
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	110.809.348.225	-	-	110.809.348.225
Các khoản phải thu ngắn hạn	135.748.972.061	726.440.257.811	1.017.725.748.121	(1.288.909.807)	1.878.626.068.186
Hàng tồn kho	365.499.415.868	311.218.554.916	462.301.503.427	-	1.139.019.474.211
Tài sản ngắn hạn khác	1.400.268.739	40.380.248.178	41.835.382.278	-	83.615.899.195
Các khoản phải thu dài hạn	63.476.000.000	3.854.175.300	404.019.200	(63.476.000.000)	4.258.194.500
Tài sản cố định	185.955.113.239	265.323.557.182	226.629.197.108	-	677.907.867.529
Bất động sản đầu tư	3.234.686.485	-	-	-	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	74.970.780.815	86.729.770.636	941.197.272	-	162.641.748.723
Đầu tư tài chính dài hạn	553.534.152.089	-	-	(510.000.000.000)	43.534.152.089
Tài sản dài hạn khác	71.491.571.090	24.995.055.581	70.454.884.135	-	166.941.510.806
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.490.639.021.330</b>	<b>2.074.826.414.523</b>	<b>1.863.542.993.648</b>	<b>(574.764.909.807)</b>	<b>4.854.243.519.694</b>
<b>Nguồn vốn</b>					
Nợ ngắn hạn	203.640.636.082	1.674.411.391.584	1.564.398.793.282	(1.288.909.807)	3.441.161.911.141
Nợ dài hạn	-	45.567.761.776	106.262.396.866	(63.476.000.000)	88.354.158.642
Vốn chủ sở hữu	1.286.998.385.248	354.847.261.163	192.881.803.500	(510.000.000.000)	1.324.727.449.911
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1.490.639.021.330</b>	<b>2.074.826.414.523</b>	<b>1.863.542.993.648</b>	<b>(574.764.909.807)</b>	<b>4.854.243.519.694</b>
<b>Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>					
Chi tiêu vốn	56.807.046.107	92.688.354.191	72.715.440.590	-	222.210.840.888
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	21.779.162.080	26.138.197.334	13.412.441.460	-	61.329.800.874
Khấu hao tài sản cố định vô hình	262.524.339	315.190.611	-	-	577.714.950

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2018**

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.025.131.306	498.834.550.055	18.002.031.741	-	564.861.713.102
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	43.851.350.000	-	-	43.851.350.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	169.264.363.304	425.020.892.767	988.558.576.869	(16.659.830.642)	1.566.184.002.298
Hàng tồn kho	386.331.877.338	236.673.735.276	153.723.917.051	-	776.729.529.665
Tài sản ngắn hạn khác	971.245.649	23.672.975.110	6.908.025.230	-	31.552.245.989
Các khoản phải thu dài hạn	32.876.000.000	3.864.872.800	-	(32.876.000.000)	3.864.872.800
Tài sản cố định	176.470.710.764	232.236.312.374	100.130.634.518	-	508.837.657.656
Bất động sản đầu tư	3.234.686.485	-	-	-	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	48.552.347.941	53.116.945.547	51.200.888.870	-	152.870.182.358
Đầu tư tài chính dài hạn	573.232.641.789	-	-	(510.000.000.000)	63.232.641.789
Tài sản dài hạn khác	69.619.248.166	24.006.509.062	71.893.251.360	-	165.519.008.588
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.508.578.252.742</b>	<b>1.541.278.142.991</b>	<b>1.390.417.325.639</b>	<b>(559.535.830.642)</b>	<b>3.880.737.890.730</b>
<b>Nguồn vốn</b>					
Nợ ngắn hạn	194.107.945.092	1.195.787.510.858	1.098.554.054.220	(26.159.830.642)	2.462.289.679.528
Nợ dài hạn	-	-	98.129.537.156	(23.376.000.000)	74.753.537.156
Vốn chủ sở hữu	1.314.470.307.650	345.490.632.133	193.733.734.263	(510.000.000.000)	1.343.694.674.046
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1.508.578.252.742</b>	<b>1.541.278.142.991</b>	<b>1.390.417.325.639</b>	<b>(559.535.830.642)</b>	<b>3.880.737.890.730</b>
<b>Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 01 tháng 01 năm 2018</b>					
Chi tiêu vốn	59.158.842.680	73.545.146.667	47.386.391.260	-	180.090.380.607
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	53.469.276.941	24.907.664.959	11.720.045.532	-	90.096.987.432
Khấu hao tài sản cố định vô hình	506.764.800	226.102.129	-	-	732.866.929

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	4.368.026.806	5.235.443.344
Tiền gửi ngân hàng	234.226.535.840	185.626.269.758
Tiền đang chuyển	60.007.099	-
Các khoản tương đương tiền	345.000.000.000	374.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	583.654.569.745	564.861.713.102

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm 4.000 triệu VND (01/01/2018: 0 VND) bị hạn chế sử dụng để phục vụ việc thi hành án trong một vụ kiện mà công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex là nguyên đơn.

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất từ 5% đến 6% một năm (01/01/2018: 5% - 6%).

Giá trị hợp lý của đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên quan</b>		
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	40.450.119.028	57.940.108.349
<b>Các bên khác</b>		
▪ Công ty TNHH Hóa chất Việt Linh	208.339.676.088	72.340.208.538
▪ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Gia Anh	185.399.448.460	71.906.423.299
▪ Công ty TNHH TM&DV Nam Song Anh	127.562.489.996	71.155.037.016
▪ Công ty TNHH TM&SX Việt Quang Phát	104.773.607.558	148.963.621.050
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng giao thông Phương Thành	95.919.706.812	37.500.362.537
▪ Công ty TNHH TM&DV Hà Anh Phát	84.549.456.035	121.818.513.269
▪ Công ty TNHH Hóa chất Thái Bình Dương	39.794.226.851	89.100.917.476
▪ Công ty Xây dựng 123 - Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - CTCP	9.115.393.860	10.428.627.000
▪ Công ty Cổ phần vận tải dầu khí Việt Nam	7.466.476.911	7.466.476.911
▪ Total Lubrifiants Hongkong Limited	6.758.285.065	4.325.232.516
▪ Công ty vận tải biển Vinalines	3.555.470.834	3.605.520.916
▪ Công ty TNHH Shin Kwang Global Việt Nam	-	38.135.426.300
▪ Các khách hàng khác	1.047.668.372.358	931.535.974.703
	<b>1.961.352.729.856</b>	<b>1.666.222.449.880</b>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**8. Phải thu khác****(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khác từ các công ty thuộc Petrolimex	807.597.093	-
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	12.499.840.830	8.191.834.346
Lãi tiền gửi dự thu	4.496.780.575	1.559.318.259
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	4.337.973.075	-
Phải thu từ người lao động	2.245.425.666	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	380.366.599	4.788.657.629
	<b>24.767.983.838</b>	<b>14.539.810.234</b>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:**

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2018</b> <b>VND</b>
Đặt cọc cho dự án Kho Nhựa Đường	3.854.175.300	3.864.872.800
Đặt cọc cho sử dụng dịch vụ khu công nghiệp	404.019.200	-
	<u>4.258.194.500</u>	<u>3.864.872.800</u>

**9. Nợ xấu và nợ khó đòi**

<b>31/12/2018</b>	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị có thể</b> <b>thu hồi</b> <b>VND</b>
<b>Nợ quá hạn</b>			
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	122.487.509.186	(3.034.186.864)	119.453.322.322
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	25.866.878.835	(7.428.326.850)	18.438.551.985
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.223.187.943	(1.216.468.303)	1.006.719.640
▪ Từ 3 năm trở lên	171.304.972.463	(162.433.287.912)	8.871.684.551
	<u>321.882.548.427</u>	<u>(174.112.269.929)</u>	<u>147.770.278.498</u>

*Trong đó:*Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (174.112.269.929)

<b>01/01/2018</b>	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị có thể</b> <b>thu hồi</b> <b>VND</b>
<b>Nợ quá hạn</b>			
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30.363.605.937	(6.090.093.808)	24.273.512.129
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.374.316.774	(1.567.077.118)	3.807.239.656
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	69.579.568.976	(29.923.662.657)	39.655.906.319
▪ Từ 3 năm trở lên	152.510.374.082	(150.135.854.848)	2.374.519.234
	<u>257.827.865.769</u>	<u>(187.716.688.431)</u>	<u>70.111.177.338</u>

*Trong đó:*Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (187.716.688.431)

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	133.536.818.273	-	109.412.083.244	-
Nguyên vật liệu	205.886.591.976	-	239.854.363.389	-
Công cụ và dụng cụ	11.587.725.689	-	11.986.450.786	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	27.921.338.499	-	27.202.092.098	-
Thành phẩm	192.143.410.296	-	189.191.154.428	-
Hàng hóa	567.943.589.478	-	199.083.385.720	-
	<hr/>		<hr/>	
	1.139.019.474.211	-	776.729.529.665	-
	<hr/>		<hr/>	

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	526.344.507.633	333.937.609.285	166.784.668.986	24.590.966.991	1.051.657.752.895
Tăng trong năm	19.108.913.897	23.692.983.520	3.756.198.688	2.268.100.109	48.826.196.214
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	128.829.227.179 (1.366.248.302)	29.655.132.667 (3.172.470.114)	21.175.169.637 (677.914.364)	- (36.338.640)	179.659.529.483 (5.252.971.420)
Số dư cuối năm	672.916.400.407	384.113.255.358	191.038.122.947	26.822.728.460	1.274.890.507.172
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	226.874.401.363	190.586.893.971	109.834.229.866	18.085.601.662	545.381.126.862
Khấu hao trong năm Thanh lý	25.931.157.883 (1.366.248.302)	21.464.157.359 (3.172.470.114)	11.406.031.523 (677.914.364)	2.528.454.109 (36.338.640)	61.329.800.874 (5.252.971.420)
Số dư cuối năm	251.439.310.944	208.878.581.216	120.562.347.025	20.577.717.131	601.457.956.316
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	299.470.106.270	143.350.715.314	56.950.439.120	6.505.365.329	506.276.626.033
Số dư cuối năm	421.477.089.463	175.234.674.142	70.475.775.922	6.245.011.329	673.432.550.856

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản với nguyên giá 241.191 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (01/01/2018: 224.465 triệu VND).

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	7.879.535.312
Tăng trong năm	2.492.000.000
Số dư cuối năm	<u>10.371.535.312</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	5.318.503.689
Khấu hao trong năm	577.714.950
Số dư cuối năm	<u>5.896.218.639</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	2.561.031.623
Số dư cuối năm	<u><u>4.475.316.673</u></u>

**13. Bất động sản đầu tư**

	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá		
▪ Quyền sử dụng đất	3.234.686.485	3.234.686.485

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Tổng công ty là quyền sử dụng thửa đất số 52, 53, Khu E1, tại Đường 2 Tháng 9, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Theo chủ trương của Hội đồng quản trị Tổng công ty, Tổng công ty đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng thửa đất này, kết quả giá trúng đấu giá là 26.620 triệu VND vào ngày 11 tháng 01 năm 2019. Tại ngày phát hành báo cáo, Tổng công ty đang hoàn thiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất này.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	152.870.182.358	80.639.517.992
Tăng trong năm	188.641.394.031	154.407.275.577
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(179.659.529.483)	(77.322.755.895)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(497.324.830)	(600.938.688)
Phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn	1.287.026.647	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(614.000.000)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(3.234.686.485)
Giảm khác	-	(404.230.143)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>162.641.748.723</b>	<b>152.870.182.358</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2018</b> <b>VND</b>
<b>Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP</b>		
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	19.487.082.963	17.680.399.573
Dự án xây dựng Nhà máy dầu nhờn Đình Vũ	29.840.819.026	15.860.607.248
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	8.087.296.789	7.310.267.889
Dự án xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	7.971.073.231	7.263.873.231
Tài sản chờ lắp đặt	6.411.441.762	-
Các dự án khác	3.173.067.044	437.200.000
	<b>74.970.780.815</b>	<b>48.552.347.941</b>
<b>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex</b>		
Dự án xây dựng Kho Cam Ranh	60.498.582.070	19.053.089.042
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Thượng Lý	1.381.999.396	11.136.335.235
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Cửa Lò	10.242.466.258	7.841.265.967
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Quy Nhơn	-	1.676.316.622
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Nhà Bè	2.630.125.000	6.812.403.805
Các dự án khác	11.976.597.912	6.597.534.876
	<b>86.729.770.636</b>	<b>53.116.945.547</b>
<b>Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex</b>		
Công trình kho hóa chất dung môi Đình Vũ	-	50.259.691.598
Các dự án khác	941.197.272	941.197.272
	<b>941.197.272</b>	<b>51.200.888.870</b>
	<b>162.641.748.723</b>	<b>152.870.182.358</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 6.388 triệu VND (01/01/2018: 1.831 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị ghi sổ của chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 60.499 triệu VND (01/01/2018: 50.259 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con (Thuyết minh 21(b)).

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Đầu tư tài chính dài hạn**

Địa chỉ	31/12/2018		01/01/2018	
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP Hải Phòng	6.600.000	43,78%	6.600.000	43,78%
				Giá trị ghi sổ VND
				63.232.641.789

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	63.232.641.789	67.080.380.386
Phân lỗ trong công ty liên kết	(19.698.489.700)	(3.847.738.597)
Số dư cuối năm	43.534.152.089	63.232.641.789

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đầu tư sản phẩm	Chi phí đất trả trước (*)	Công cụ và dụng cụ	Chi phí sửa chữa lớn	Chi phí khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	64.207.045.408	66.826.785.884	8.264.053.117	11.998.225.412	14.222.898.767	165.519.008.588
Tăng trong năm	-	-	7.024.660.084	13.480.913.475	9.801.239.334	30.306.812.893
Chuyển từ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	354.622.292	-	142.702.538	497.324.830
Phân loại sang Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	(344.226.707)	-	-	(942.799.940)	(1.287.026.647)
Phân bổ trong năm	(1.901.727.823)	(564.003.592)	(6.380.314.011)	(11.168.514.800)	(7.983.713.668)	(27.998.273.894)
Biến động khác	-	-	-	-	(96.334.964)	(96.334.964)
Số dư cuối năm	62.305.317.585	65.918.555.585	9.263.021.482	14.310.624.087	15.143.992.067	166.941.510.806

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Trong chi phí đất trả trước có giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 49.562 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex, một công ty con của Tổng công ty (Thuyết minh 21(b)).

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Các công ty liên quan</b>		
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	579.067.321.464	409.710.045.201
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	13.559.476.414	9.013.900.868
▪ Công ty TNHH Castrol BP Petco	2.590.816.679	1.662.025.979
	595.217.614.557	420.385.972.048
<b>Các bên khác</b>		
▪ Integra Petrochemicals Pte., Ltd.	99.402.320.130	-
▪ Grand Resources Group Co., Ltd.	66.359.290.251	-
▪ Shell Eastern Trading Pte., Ltd.	64.213.880.143	50.163.949.037
▪ Interchem Pte., Ltd.	53.556.934.106	-
▪ Wuxi Baichuan Chemical Industrial Co., Ltd.	44.631.665.691	-
▪ Petronas Chemical Marketing	38.939.965.688	1.047.794.944
▪ Hin Hin Trading Pte., Ltd.	27.155.404.769	21.101.032.594
▪ Zibo Qixiang Tengda Chemical Co.,	19.670.329.972	-
▪ Total Lubrifiants	13.028.711.451	4.513.253.849
▪ Lubrizol Southeast Asia Ltd.	6.446.333.786	1.321.499.284
▪ Công ty TNHH DV&TM Hà Anh Phát	625.889.427	27.828.738.747
▪ Fortrec Chemicals And Petroleum Pte., Ltd.	-	66.814.874.984
▪ Hanwa Co., Ltd.	-	61.986.339.643
▪ Exxon Mobil Asia Co., Ltd.	-	10.586.737.586
▪ Các nhà cung cấp khác	110.885.739.486	114.648.423.366
	544.916.464.900	360.012.644.034
	1.140.134.079.457	780.398.616.082

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 - 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

**18. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	01/01/2018		Số phát sinh trong năm		Số đã khấu trừ trong năm		31/12/2018	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã khấu trừ VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	1.695.254	7.953.786.126	1.809.899.674.064	(874.748.196.092)	(921.712.214.327)	-	21.391.354.517	
Thuế nhập khẩu	95.805.517	-	34.561.483.945	(34.465.679.823)	-	1.395	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.998.683.098	9.483.371.348	41.046.157.751	(40.475.633.063)	-	1.056.843.365	9.112.056.303	
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.325.249.474	27.999.669.384	(28.931.774.262)	-	-	1.393.144.596	
Thuế thu nhập cá nhân	2.929.217	903.775.412	5.606.131.385	(5.781.215.975)	-	18.352.162	744.113.767	
Thuế khác	164.845.000	49.855.809	2.297.132.241	(2.302.220.969)	-	164.845.000	44.767.081	
	<b>2.263.958.086</b>	<b>20.716.038.169</b>	<b>1.921.410.248.770</b>	<b>(986.704.720.184)</b>	<b>(921.712.214.327)</b>	<b>1.240.041.922</b>	<b>32.685.436.264</b>	

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2018</b> <b>VND</b>
Chi phí hỗ trợ bán dầu mỡ nhờn	557.973.257	2.946.264.663
Chi phí xây dựng đã hoàn thành nhưng chưa nghiệm thu	17.748.749.357	723.147.188
	<hr/>	<hr/>
	18.306.722.614	3.669.411.851

**20. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2018</b> <b>VND</b>
Phải trả cổ tức	1.558.992.500	1.335.214.725
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	3.627.395.659	2.848.440.516
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000.000	8.000.000.000
Các khoản phải trả khác	2.266.105.710	826.757.769
	<hr/>	<hr/>
	22.452.493.869	13.010.413.010

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	01/01/2018		Biến động trong năm		31/12/2018	
	Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND	Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	1.579.304.542.721	4.704.825.150.501	(4.128.564.062.666)	(739.126.810)	2.154.826.503.746	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	-	4.983.570.145	-	-	4.983.570.145	
	1.579.304.542.721	4.709.808.720.646	(4.128.564.062.666)	(739.126.810)	2.159.810.073.891	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2 - 5,5	779.838.077.479	727.795.392.857
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	2,2	-	4.958.203.853
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	1,2	-	32.269.060.024
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,5 - 5,2	23.887.070.815	6.355.911.544
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	1,2 - 3,3	-	15.602.309.573
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	1,8 - 5,35	66.893.963.333	144.013.377.712
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	4,2 - 5,6	256.814.970.079	187.012.979.342
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	USD	3,3	61.980.750.492	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	USD	2,8	-	81.158.077.301
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	5,2 - 5,3	-	29.006.207.739
Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	4,7 - 5,5	644.861.362.674	4.161.151.500
Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	USD	1,9 - 2,3	-	68.133.659.787
Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	VND	5,2	19.098.225.784	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	USD	3	-	104.662.053.513
Khoản vay Ngân hàng Eximbank	VND	5	-	61.358.204.045
Khoản vay Ngân hàng Eximbank	USD	2,45	152.038.062.957	112.817.953.931
Khoản vay Ngân hàng BNP	USD	2,45	149.414.020.133	-
			2.154.826.503.746	1.579.304.542.721

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(\*) Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty và các công ty con. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng đến 6 tháng.

**(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</b>					
Khoản vay 1	VND	8,5	2025	25.900.000.000	27.750.000.000
Khoản vay 2	VND	8,5	2025	9.706.666.000	10.400.000.000
Khoản vay 3 (*)	VND	8,6	2025	1.454.466.482	1.558.356.945
Khoản vay 4 (*)	VND	8,5	2025	1.601.349.794	1.715.731.922
Khoản vay 5	VND	8,5	2025	4.033.512.933	4.321.621.000
Khoản vay 6 (*)	VND	8,5	2025	1.709.030.289	1.831.104.289
Khoản vay 7	VND	8,5	2025	5.878.040.000	6.297.900.000
Khoản vay 8	VND	8,5	2025	2.352.882.700	2.520.945.700
Khoản vay 9	VND	8,5	2025	9.936.898.813	10.646.677.300
Khoản vay 10	VND	10,1	2025	7.197.120.000	7.711.200.000
<b>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam</b>					
	VND	Libor 3M + 0,7%	2023	23.567.761.776	-
				<b>93.337.728.787</b>	<b>74.753.537.156</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (a)				<b>(4.983.570.145)</b>	<b>-</b>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				<b>88.354.158.642</b>	<b>74.753.537.156</b>

## Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay dài hạn được nhận từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, có thời hạn 10 năm (ân hạn gốc 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên) để thực hiện dự án Kho dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bao gồm: quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 49.562 triệu VND và toàn bộ cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị của Kho dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ.

- (\*) Theo thỏa thuận giữa Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2016 của khoản vay 1 và khoản vay 2 được chuyển thành các khoản vay dài hạn mới (khoản vay 3 và khoản vay 4), chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 của các khoản vay 1, 2, 3, 4, 5 được chuyển thành khoản vay dài hạn mới (khoản vay 6).

## 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	8.518.987.299	3.121.375.999
Trích lập trong năm	10.318.554.562	17.391.028.243
Sử dụng trong năm	(15.187.426.899)	(11.993.416.943)
Số dư cuối năm	3.650.114.962	8.518.987.299



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư ngày 01/01/2017</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	-	298.985.382.014	20.463.604.691	219.902.802.933	1.351.354.699.638
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	171.400.866.114	171.400.866.114
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(17.391.028.243)	(17.391.028.243)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	39.305.238.304	-	(39.305.238.304)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	-	(161.595.132.000)	(161.595.132.000)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(31.616.582)	-	-	-	(31.616.582)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	(43.114.881)	(43.114.881)
<b>Số dư ngày 01/01/2018</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(31.616.582)	338.290.620.318	20.463.604.691	172.969.155.619	1.343.694.674.046
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	152.990.212.825	152.990.212.825
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(10.318.554.562)	(10.318.554.562)
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	-	(161.595.132.000)	(161.595.132.000)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(43.762.401)	-	-	-	(43.762.401)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	12.003	12.003
<b>Số dư ngày 31/12/2018</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(75.378.983)	338.290.620.318	20.463.604.691	154.045.693.885	1.324.727.449.911

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000	1.273	12.730.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	%	VND	%
<b>Cổ đông</b>				
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100%	807.988.390.000	100%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

## 25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 04 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 161.595 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 (2017: 161.595 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu)).

## 26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2018</b> <b>VND</b>
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	117.863.399.271	154.604.789.547

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2018</b>		<b>01/01/2018</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	1.326.702	30.724.194.679	562.098	12.736.355.010
Euro ("EUR")	234	6.655.678	245	6.966.781
Lao Kips ("LAK")	2.483.619.082	6.770.211.944	37.543.000	102.353.535
		<u>37.501.062.301</u>		<u>12.845.675.326</u>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2018</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt	164.916.000.000	135.220.000.000

**(d) Hợp đồng mua bán ngoại tệ**

Tại ngày báo cáo, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết mua USD được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2018</b> <b>VND</b>
Cam kết hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn	-	378.374.416.076

## 28. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế bảo vệ môi trường. Doanh thu thuần của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Bán dầu mỡ nhờn	1.404.802.935.430	1.371.676.877.855
Bán nhựa đường	2.148.420.477.806	1.630.315.437.321
Bán hóa chất, dung môi	2.841.633.770.319	1.983.575.044.729
Bán hàng hóa khác	41.467.834.399	41.917.080.280
Thu nhập từ kinh doanh chênh lệch giá hóa chất	-	21.604.056.710
	6.436.325.017.954	5.049.088.496.895
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(2.346.752.147)	(2.629.541.925)
	6.433.978.265.807	5.046.458.954.970

## 29. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn dầu mỡ nhờn	950.660.654.821	930.008.733.745
Giá vốn nhựa đường	1.895.998.273.197	1.419.196.345.372
Giá vốn hóa chất, dung môi	2.676.414.070.249	1.880.267.806.740
Giá vốn hàng hóa khác	39.494.840.678	34.155.445.785
	5.562.567.838.945	4.263.628.331.642

## 30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi	18.325.120.187	19.805.840.738
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.636.703.608	7.899.696.361
Lãi hàng bán trả chậm	4.590.037.500	3.988.805.889
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	173.070.799
	31.551.861.295	31.867.413.787

### 31. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	85.633.635.141	54.202.198.384
Chiết khấu thanh toán	-	2.329.525.306
Lỗ chênh lệch tỷ giá	24.048.893.804	3.736.971.605
Chi phí tài chính khác	1.537.595.621	-
	111.220.124.566	60.268.695.295

### 32. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	78.114.560.559	75.303.488.351
Chi phí vận chuyển	109.197.899.754	95.207.292.932
Chi phí hỗ trợ bán hàng	58.479.290.905	71.690.263.334
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	83.133.150.912	55.120.289.008
Chi phí sửa chữa	9.816.057.397	9.772.189.368
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.084.043.428	34.276.905.111
Chi phí bán hàng khác	128.103.879.651	104.674.773.769
	489.928.882.606	446.045.201.873

### 33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	60.253.265.203	45.169.150.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.508.911.917	4.779.907.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.358.414.409	15.342.486.889
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	19.701.144.791	26.387.147.369
	95.821.736.320	91.678.692.836

**34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	974.366.490.163	900.227.069.565
Chi phí nhân viên	166.806.734.064	143.497.499.401
Chi phí khấu hao và phân bổ	64.373.247.239	92.796.367.154
Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.688.299.597	154.054.459.459
Chi phí khác	221.558.164.569	245.447.000.524

**35. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	194.036.370.576	215.077.044.021
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	38.807.274.116	43.015.408.804
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	151.072.038	
Chi phí không được khấu trừ thuế	274.541.805	444.693.026
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	1.813.269.792	-
Ảnh hưởng do lỗ từ công ty liên kết	-	216.076.077
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	41.046.157.751	43.676.177.907

**(b) Thuế suất áp dụng**

Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào – công ty con cấp 2 có mức thuế suất 24%.

### 36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi ước tính cho năm 2018 là 142.671.658.263 VND (2017: 171.400.866.114 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân là 80.797.566 cổ phiếu (2017: 80.797.566 cổ phiếu). Chi tiết của Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông như sau:

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	152.990.212.825	171.400.866.114
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(10.318.554.562)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	142.671.658.263	171.400.866.114

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 10.318.554.562 VND – số đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận cho năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

### 37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
<b>Các công ty liên quan</b>		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Công ty mẹ</i>		
▪ Cổ tức	127.773.270.872	127.778.518.000
<i>Petrolimex Singapore Pte Ltd.</i>		
▪ Mua hàng hóa	1.220.075.742.700	1.034.392.016.023
<i>Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa	1.139.822.449.805	1.118.368.868.116
▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	120.558.003.239	132.779.577.830
<i>Công ty TNHH Castrol BP PETCO</i>		
▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	16.719.025.086	24.172.276.507

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</b>		
▪ Các khoản vay	131.750.717.503	161.933.876.670
▪ Trả nợ vay	4.983.570.145	205.772.933.904
▪ Lãi vay nhập gốc	-	1.831.104.289
▪ Lãi vay	7.663.526.823	2.154.885.668
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP</b>		
▪ Mua dịch vụ	16.197.371.699	18.963.150.000
<b>Tổng Giám đốc</b>		
▪ Tiền lương và thưởng	1.042.970.535	941.803.709
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên khác thuộc Ban Tổng Giám đốc</b>		
▪ Tiền lương, thù lao và thưởng	5.971.131.357	4.723.998.525

**38. Các khoản tiềm ẩn**

Theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP (“Nghị định 20”) ban hành ngày 24 tháng 02 năm 2017 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, tổng chi phí lãi vay phát sinh trong năm được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay và chi phí khấu hao trong năm. Trong năm, Tổng công ty và các công ty con có phát sinh giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết. Tuy nhiên hiện có những diễn giải khác nhau về việc quy định của Nghị định 20 có áp dụng hay không trong trường hợp doanh nghiệp có giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết mà chỉ phát sinh chi phí tiền lãi trên khoản vay từ các bên không phải là bên liên kết. Theo diễn giải của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con, quy định này không áp dụng trong trường hợp công ty không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết. Tuy nhiên việc có hay không áp dụng quy định này trong trường hợp Tổng công ty và các công ty con không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết phụ thuộc vào quan điểm của cơ quan thuế mà hiện tại Tổng công ty và các công ty con chưa nhận được hướng dẫn cụ thể. Tại ngày của báo tài chính này việc diễn giải phạm vi áp dụng của quy định nêu trên được xem là tiềm ẩn yếu tố không chắc chắn. Do vậy Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty không điều chỉnh ảnh hưởng của chi phí lãi vay có khả năng không được trừ (ước tính là 9.650 triệu VND) khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Nếu khoản chi phí lãi vay này được kết luận chính thức là không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp thì thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc cùng ngày sẽ cùng tăng lên một khoản là 9.650 triệu VND.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **39. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc